

Số: /QC-VIMICO

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2019

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV – CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-VIMICO ngày 19/02/2019 của HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV về việc thành lập Ban Tổ chức chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2019;

Hội đồng quản trị Tổng công ty dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019 của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.
2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông, và các Bên tham dự ĐHĐCĐ, điều kiện, thể thức tiến hành ĐHĐCĐ và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
3. Cổ đông, đại diện cổ đông và các Bên tham gia ĐHĐCĐ có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức ĐHĐCĐ được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Chương II
ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐHĐCĐ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐHĐCĐ

Điều 3. Điều kiện tham dự ĐHĐCĐ

Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Tổng công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của

Tổng công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 12/3/2019 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận.

Điều 4. Quyền của cổ đông khi tham dự ĐHĐCĐ

Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

1. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
2. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa ba người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
3. Được Ban Tổ chức thông báo công khai nội dung chương trình ĐHĐCĐ.
4. Phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả các nội dung trong chương trình ĐHĐCĐ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.
5. Tại ĐHĐCĐ, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự ĐHĐCĐ được nhận Thẻ biểu quyết (trong đó có ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết) sau khi đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
6. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại ĐHĐCĐ.
7. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại ĐHĐCĐ, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp và hiệu lực của các đợt biểu quyết tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng. Trường hợp Ban Kiểm tra kết quả kiểm phiếu đang tiến hành kiểm phiếu kết quả biểu quyết thì cổ đông không có quyền biểu quyết. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm cộng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đến muộn vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ để tính tỷ lệ thông qua các nội dung biểu quyết ở phần sau.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ mang theo giấy tờ sau:
 - a. Thư mời;
 - b. Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực;

c. Giấy uỷ quyền theo mẫu gửi kèm thư mời họp ĐHĐCĐ (Trường hợp được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ: Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản uỷ quyền phải được ký bởi cổ đông đó; Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản uỷ quyền phải được đóng dấu và ký bởi đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó);

d. Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc/và đại diện uỷ quyền của mình là hợp lệ với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông đã uỷ quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy uỷ quyền thì cổ đông đó khi tham dự ĐHĐCĐ không được nhận thẻ biểu quyết tại ĐHĐCĐ nếu người được uỷ quyền của họ đã làm thủ tục nhận thẻ biểu quyết.

3. Người được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ không được uỷ quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra ĐHĐCĐ, cổ đông/đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của ĐHĐCĐ, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp hiện hành.

6. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết mà không thông báo với Ban Kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như không có ý kiến với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa ĐHĐCĐ

1. Chủ tịch HĐQT Tổng công ty là Chủ tọa ĐHĐCĐ. Đoàn Chủ tọa gồm Chủ tọa ĐHĐCĐ, Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể chỉ định một số người trong Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông cùng điều hành ĐHĐCĐ.

2. Chủ tọa ĐHĐCĐ có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Chủ trì, điều khiển ĐHĐCĐ; Chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự, và đảm bảo ĐHĐCĐ phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

b. Quyết định của Chủ tọa ĐHĐCĐ về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

c. Hướng dẫn ĐHĐCĐ thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của ĐHĐCĐ;

d. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để ĐHĐCĐ biểu quyết;

e. Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban chủ tọa trả lời những vấn đề do ĐHĐCĐ yêu cầu;

f. Chủ tọa có quyền trì hoãn ĐHĐCĐ đến một thời điểm khác tại một địa điểm khác phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Tổng

công ty Khoáng sản TKV - CTCP khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã đủ số đại biểu cần thiết theo quy định trong các trường hợp:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của ĐHĐCĐ được tiến hành một cách hợp lệ.

g. Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối mất trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi ĐHĐCĐ.

Điều 7. Ban Thư ký ĐHĐCĐ

1. Ban Thư ký gồm 02 thành viên do Chủ tọa cử để giúp việc ĐHĐCĐ. Ban Thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.

2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa, có nhiệm vụ:

a. Ghi chép, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung biên bản đối với diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ, dự thảo các văn kiện, kết luận, và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu; trình bày trước ĐHĐCĐ về Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

b. Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị ("HĐQT") Tổng công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự ĐHĐCĐ và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác;

c. Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d. Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ hoặc Chủ tọa ĐHĐCĐ phân công.

2. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự ĐHĐCĐ thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết và phát tài liệu của ĐHĐCĐ.

3. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra kết quả biểu quyết

1. Ban kiểm tra kết quả biểu quyết có 07 thành viên, gồm 01 trưởng ban và 06 thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.

Thành viên Ban kiểm tra kết quả biểu quyết không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm tra kết quả biểu quyết có nhiệm vụ:

a. Hướng dẫn cổ đông tham dự ĐHĐCĐ cách sử dụng thẻ biểu quyết; thực hiện việc đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết;

b. Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại ĐHĐCĐ;

c. Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của ĐHĐCĐ;

d. Báo cáo kết quả biểu quyết (Biên bản kiểm tra kết quả biểu quyết) trước ĐHĐCĐ;

e. Bàn giao lại Biên bản kiểm tra kết quả biểu quyết cho Thư ký Đại hội;

g. Cùng Chủ tọa ĐHĐCĐ xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định;

h. Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

Chương III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐHĐCĐ

Điều 10. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ. Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để ĐHĐCĐ có thể tiến hành theo quy định.

2. Trường hợp ĐHĐCĐ không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành ĐHĐCĐ các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Tiến hành ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.

2. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp cho cổ đông, các thay đổi phải được ĐHĐCĐ thông qua.

3. ĐHĐCĐ sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình ĐHĐCĐ theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Quy chế này.

4. ĐHĐCĐ bế mạc sau khi Biên bản ĐHĐCĐ được thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại ĐHĐCĐ.

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của ĐHĐCĐ, Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp. Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa ĐHĐCĐ hoặc điền vào Phiếu câu hỏi gửi cho Ban chủ tọa. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông trình bày ý kiến của mình.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình ĐHĐCĐ đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp. Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

3. ĐHĐCĐ thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút/lần. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký ĐHĐCĐ phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Thể lệ biểu quyết và thông qua các quyết định tại ĐHĐCĐ

1. Nguyên tắc biểu quyết: cổ đông có thể biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ bằng việc giơ Thẻ biểu quyết;

b. Biểu quyết thông qua việc cử người ủy quyền tới dự họp, khi đó người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ và biểu quyết như hình thức cổ đông trực tiếp dự họp.

2. Các vấn đề được thông qua tại ĐHĐCĐ phải được số cổ đông đại diện từ 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ chấp thuận, ngoại trừ nội dung quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty về mô hình hoạt động và Người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp;

d) Quyết định dự án đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Tổng công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Tổng công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

đ) Giải thể, phá sản và các hình thức tổ chức lại Tổng Công ty;

5. Hình thức biểu quyết:

a. Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) biểu quyết từng nội dung trong chương trình ĐHĐCĐ. Khi biểu quyết một vấn đề được ĐHĐCĐ đưa ra, các cổ đông biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết lên cao. Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số phiếu biểu quyết tán thành, số phiếu biểu quyết không tán thành và số phiếu biểu quyết không có ý kiến;

b. Đối với từng vấn đề cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến của cổ đông theo trình tự: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến. Trường hợp cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết thì coi như không có ý kiến. Với từng vấn đề xin ý kiến biểu quyết, các cổ đông chỉ được giơ thẻ biểu quyết một lần.

Điều 14. Thẻ biểu quyết:

1. Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Tổng công ty do Ban kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

2. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 15. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Nội dung diễn biến tổ chức ĐHĐCĐ được lập thành Biên bản. Chủ tọa và Thư ký ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản ĐHĐCĐ.

2. Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố trước ĐHĐCĐ và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc.

3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của ĐHĐCĐ phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Tổng công ty.

4. Biên bản ĐHĐCĐ phải được làm xong, thông qua trước khi bế mạc ĐHĐCĐ và công bố trên website của Tổng công ty trong vòng 24 giờ.

5. Biên bản ĐHĐCĐ là cơ sở để đưa ra Nghị quyết ĐHĐCĐ.



Điều 16. Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ

Căn cứ kết quả tại ĐHĐCĐ, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết ĐHĐCĐ về các vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được đọc tại ĐHĐCĐ để các cổ đông thông qua, và công bố trên website của Tổng công ty trong vòng 24 giờ.

Điều 17. Hiệu lực thi hành của Quy chế

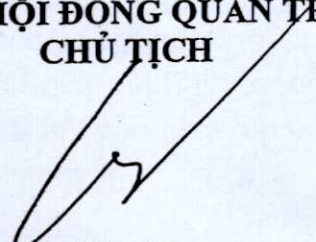
1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười bảy (17) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- ĐU, CĐ, ĐTN;
- BGĐ, KTT;
- Cổ đông của Tổng công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Long

Số: **571** /BC-VIMICO

Hà Nội, ngày **13** tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH,
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2018 - PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 2019
CỦA TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD, ĐTXD NĂM 2018
I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Tổng công ty triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Tập đoàn, sự đồng thuận, đoàn kết của Ban lãnh đạo, của tập thể người lao động. Giá bán một số sản phẩm kim loại trên thị trường như: đồng, kẽm,... duy trì tương đối ổn định. Nhìn chung, Tổng công ty đã thực hiện và hoàn thành tương đối tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018.

Bên cạnh những thuận lợi, Tổng công ty vẫn phải đối mặt với không ít khó khăn đó là:

+ Công tác đền bù giải phóng mặt bằng chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án; Tài nguyên khoáng sản tại một số mỏ giảm do chủ yếu là khai thác nạo vét (các mỏ thiếc), chi phí đền bù lớn, giá thành sản xuất cao hơn nhiều so với giá bán nên chưa triển khai hoặc phải dừng khai thác (mỏ sắt Nà Rạ; mỏ sắt Nà Lũng,...).

+ Tại mỏ đồng Sin Quyền, điều kiện khai thác ngày càng khó khăn do khai thác xuống sâu, vị trí đồ thái xa, cung độ kéo dài, chiều cao nâng tải lớn, do vậy đã ảnh hưởng đến khả năng vận tải toàn mỏ.

+ Công tác sản xuất tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng (CISCO) gặp nhiều khó khăn do giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào (than cốc) tăng cao, giá bán phôi thép giảm do ảnh hưởng của thị trường thép thế giới. Trong khi đó công tác chuẩn bị nguyên liệu từ khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ để cung cấp cho Nhà máy luyện gang thép gặp nhiều khó khăn do thiếu vốn, việc huy động từ nguồn vốn xã hội hóa chưa đạt kết quả.

+ Các chính sách quản lý và chế tài xử lý về môi trường, kiểm soát hoạt động khai thác khoáng sản của Nhà nước và địa phương ngày càng thắt chặt; chính sách về thuế/phí luôn thay đổi và có mức thu cao; tình hình an ninh trật tự trên địa bàn diễn biến rất phức tạp,...

+ Rủi ro về thuế thu nhập doanh nghiệp tăng thêm do ảnh hưởng của Nghị định 20/NĐ-CP ngày 24/02/2017 khi có sự khác biệt giữa giá mua bán nội bộ đối với sản phẩm đồng tấm giữa TKV và Vimico với giá LME sẽ làm giảm lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2018

II.1. Các chỉ tiêu về giá trị:

- Doanh thu:

+ Công ty mẹ - Tổng công ty: 5.483,074 tỷ đồng

Trong đó:

(*) Doanh thu khoáng sản dự án đồng: 2.407,298 tỷ đồng/2.318 tỷ đồng KH.

(*) Doanh thu khoáng sản nội bộ: 2.053,731 tỷ đồng.

(*) Doanh thu khác: 1.022 tỷ đồng/101 tỷ đồng KH.



+ Toàn Tổng công ty (hợp nhất): 5.702,367 tỷ đồng/5.991,277 tỷ đồng KHĐC, bằng 95,18% KHĐC 2018, bằng 104,1% so với năm 2017, trong đó: Doanh thu khoáng sản: 5.401 tỷ đồng/5.769,277 tỷ đồng KHĐC, bằng 93,62% KHĐC và bằng 102,03% cùng kỳ 2017; Doanh thu khác: 301,34 tỷ đồng/ 222 tỷ đồng KHĐC, bằng 135,74% KHĐC và bằng 163,3% thực hiện 2017.

- Lợi nhuận trước thuế:

+ Công ty mẹ - Tổng công ty: 101,24 tỷ đồng/ 88 tỷ đồng KHĐC, đạt 115,05% KHĐC, trong đó: từ khoáng sản: 100,749 tỷ đồng, từ thu nhập khác: 0,49 tỷ đồng.

+ Toàn Tổng công ty (hợp nhất): 225,559 tỷ đồng/ 232 tỷ đồng KHĐC, bằng 97,22% KHĐC và bằng 72,22% thực hiện năm 2017.

- Tiền lương bình quân:

+ Công ty mẹ - Tổng công ty: 10,724 triệu đồng/10,569 triệu đồng KHĐC /người/tháng, bằng 101,46% so với KHĐC và bằng 100,8% so với năm 2017.

+ Toàn Tổng công ty: 8,66 triệu đồng/8,556 triệu đồng KHĐC, bằng 101,22% so với KHĐC và bằng 105,37 % so với cùng kỳ năm 2017

- Lao động sử dụng bình quân trong kỳ (cả năm):

+ Công ty mẹ - Tổng công ty: 1.608 người/1.608 người, bằng 100% so với KHĐC và bằng 106,63% so với năm 2017.

+ Toàn Tổng công ty: 4.550 người/4.550 người, bằng 100% so với KHĐC và bằng 97,39 % so với cùng kỳ năm 2017.

- Nộp ngân sách (đã nộp)

+ Công ty mẹ - Tổng công ty: 389,046 tỷ đồng.

+ Toàn Tổng công ty: 725,985 tỷ đồng.

II.2. Các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất - tiêu thụ

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KHĐC	TH	Tỷ lệ (%)
I	Công ty mẹ - Tổng công ty				
I.1	Sản xuất				
1	Tinh quặng đồng quy 24% Cu	Tấn	50.000	52.604	105,21
2	Tinh quặng sắt 60% Fe (NM1)	Tấn	75.343	76.515	101,56
3	Đồng katốt 99,95% Cu	Tấn	11.600	11.786	101,60
4	Vàng thỏi 99,95% Au	Kg	565	571	101,01
5	Bạc thỏi 99% Ag	Kg	470	492	104,77
6	Axit sulfuric 93 - 98% H ₂ SO ₄	Tấn	43.000	43.917	101,42
I.2	Tiêu thụ				
1	Tinh quặng manhetit	Tấn	87.500	75.785	86,61
2	Đồng katốt 99,95% Cu	Tấn	12.000	12.132	101,10
3	Vàng 99,95% Au	Kg	565	621	109,82
4	Bạc thỏi 99% Ag	Kg	480	520	108,29
5	Axit sulfuric 93 - 98% H ₂ SO ₄	Tấn	42.300	44.033	104,10
II	Các công ty con				
II.1	Sản xuất				
1	Thiếc thỏi	Tấn	340	297	87,33

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KHĐC	TH	Tỷ lệ (%)
2	Vàng sa khoáng (Cao Bằng)	Kg	6,4	5,62	87,87
3	Kẽm thỏi 99,95% Zn	Tấn	11.000	11.200	101,82
4	TQ sắt quy 60% Fe (Kíp Tước)	Tấn	65.000	65.024	100,04
5	Axit sulfuric 93 – 98% H ₂ SO ₄ (TN)	Tấn	15.700	14.112	89,88
6	Tinh quặng chì 50% Pb	Tấn	2.758	2.883	104,52
7	Phôi thép	Tấn	190.000	185.538	97,65
II.2	Tiêu thụ				
1	Thiếc thỏi	Tấn	300	294	97,90
2	Vàng sa khoáng (Cao Bằng)	Kg	4,66	5,62	120,68
3	Kẽm thỏi 99,95% Zn	Tấn	11.000	10.881	98,92
4	TQ sắt quy 60% Fe (Kíp Tước)	Tấn	65.000	65.055	100,08
5	Axit sulfuric 93 – 98% H ₂ SO ₄	Tấn	13.316	14.656	110,06
6	Tinh quặng chì 50% Pb	Tấn	3.170	3.710	117,03
7	Phôi thép	Tấn	200.000	161.271	80,64
III	Giá bán các sản phẩm chủ yếu				
1	Đồng katốt 99,95% Cu	Trđ/tấn	143,794	146,731	102,04
2	Axit 93 - 98% H ₂ SO ₄ (LĐV)	Trđ/tấn	1	1,085	108,69
3	Vàng 99,95% Au (LĐV)	Trđ/kg	809,4	838,207	103,56
4	Bạc thỏi 99% Ag (LĐV)	Trđ/kg	9	8,520	94,67
5	Kẽm thỏi 99,95% Zn	Trđ/tấn	69,996	67,977	97,11
6	Thiếc thỏi	Trđ/tấn	399,508	425,651	106,54
7	Phôi thép	Trđ/tấn	11,455	12,346	116,51

III. Kết quả thực hiện ĐTXD trong năm:

III.1. Tổng giá trị thực hiện

Toàn Tổng công ty: 1.019,125 tỷ đồng, bằng 89% KH năm 2018:

Trong đó:

- Xây lắp: 361.732 triệu đồng.
- Thiết bị: 488.548 triệu đồng.
- Quản lý, tư vấn, GPMB và khác: 168.845 triệu đồng.

III.2. Đánh giá kết quả thực hiện KH ĐTXD năm 2018

Kết quả thực hiện kế hoạch ĐTXD năm 2018 đạt không cao, do: Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, không thống nhất được chi phí đền bù; Khó khăn trong việc thu xếp vốn, tìm kiếm đối tác tiêu thụ sản phẩm đầu ra để thực hiện; Các cổ đông ngoài không đồng thuận triển khai thực hiện; Chậm trong cấp giấy phép khai thác khoáng sản; Vướng mắc về mặt bằng xây dựng, nên không thể triển khai thi công các hạng mục chính: Dự án Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai. Ngoài ra, thời gian thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng do cơ quan chuyên môn về xây dựng của Bộ, Sở ... thực hiện bị kéo dài.

*** Tình hình thực hiện kế hoạch ĐTXD dự án trọng điểm Công ty mẹ - Tổng công ty**

a. Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (Dự án nhóm A do Công ty mẹ - Tổng công ty làm Chủ đầu tư)

- Năm 2018, tiếp tục thực hiện gói thầu số 20 (Lập thiết kế, dự toán, cung cấp và lắp đặt thiết bị phần tuyển khoáng) - do gặp nguyên nhân rủi ro và bất khả kháng nên còn 02 thiết bị chính không được đưa về hiện trường theo đúng kế hoạch làm ảnh hưởng đến tiến độ lắp đặt và kế hoạch chạy thử của toàn nhà máy; và, tiếp tục tổ chức quản lý, triển khai thực hiện thi công đồng bộ tất cả các hạng mục công trình xây dựng, mua sắm thiết bị đã được ghi trong kế hoạch ĐTXD năm 2018. Tất cả các hạng mục xây dựng được triển khai đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu tiến độ đề ra và hoàn thành phần xây dựng toàn bộ các hạng mục công trình Nhà máy tuyển khoáng (trừ hạng mục Nắn suối Nậm Chỏn + xây dựng cầu qua đoạn nắn suối Nậm Chỏn, XD bãi thải quặng đuôi giai đoạn 2 do vướng mắc trong khâu giải phóng, bàn giao mặt bằng nên tiến độ bị chậm so với dự kiến).

- Lũy kế thực hiện đến 31/12/2018: 2.107.739 triệu đồng (tương đương 82% tổng mức đầu tư được phê duyệt).

b. Dự án Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai (Dự án nhóm A do Công ty mẹ - Tổng công ty làm Chủ đầu tư)

- Dự án gặp nhiều khó khăn như: Do việc thu hồi apatit chậm, mặt bằng không đủ điều kiện để khởi công xây dựng công trình nên một số hạng mục đầu tư bị chậm so với kế hoạch, thời gian thực hiện dự án phải kéo dài. Ngoài ra, trong thời gian thi công, khu vực xây dựng có thời tiết không thuận lợi (khoảng 35 ngày mưa lớn không thi công được); biến động địa chất lớn, thay đổi thiết kế nhiều làm ảnh hưởng tiến độ thi công xây dựng. Bên cạnh đó, công tác giải ngân thanh toán cho các hợp đồng xây dựng chậm, ảnh hưởng đến nguồn lực và tiến độ thi công của các nhà thầu. Tỉnh Lào Cai bổ sung quy hoạch xây dựng Cửa khẩu Bản Vược, cắt giảm một phần diện tích đất của dự án; Dự án cần phải điều chỉnh quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500, điều chỉnh thiết kế cơ sở và thiết kế xây dựng, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và kéo dài thời gian hoàn thành dự án.

- Năm 2018, Chủ đầu tư tiếp tục triển khai thực hiện công việc của gói thầu số 8 (HH - Thiết kế, cung cấp thiết bị, vật tư và lắp đặt Nhà máy luyện đồng công suất 20.000 tấn/năm), triển khai thi công hoàn thiện hạng mục Cung cấp thiết bị, vật tư và xây lắp trạm biến áp 110 KV; triển khai thi công Xây dựng các nhà xưởng thuộc Nhà máy luyện đồng, Xây dựng khu điều hành sản xuất và tiếp tục thực hiện các hạng mục: Thẩm tra thiết kế; giám sát thi công xây lắp; quản lý mua sắm, tiến độ, chất lượng công trình; Bảo hiểm công trình; Tư vấn kiểm tra an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng; Tư vấn giám định các thiết bị quan trọng; Tư vấn GSTC các hạng mục phụ trợ; Tư vấn kiểm toán quyết toán các HMCT và DA hoàn thành; Hệ thống kho chứa và xưởng cơ khí ... của dự án theo kế hoạch được giao. Trạm biến áp 110 kV cấp điện cho nhà máy đã xây dựng cơ bản hoàn thành.

- Lũy kế giải ngân đến 31/12/2018: 557.591 triệu đồng (tương đương 44,3% tổng giá trị khối lượng đã thực hiện).

c. Dự án đầu tư Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai (Dự án nhóm B do Công ty mẹ - Tổng công ty làm Chủ đầu tư)

- Công tác thống kê bồi thường, giải phóng mặt bằng đã thực hiện xong và đang áp giá đền bù để ra quyết định thu hồi và chi trả tiền đền bù.

- Lập, trình phê duyệt dự toán gói thầu, HSMT và phát hành HSMT các gói thầu: số 9 "Xây dựng giếng nghiêng, sân ga hầm trạm và các lò vận tải chính", số 11 "Bảo hiểm

công trình”, số 15 “Mua sắm máy khoan đào lò” và số 16 “Xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị trạm PP-6kV, trạm biến áp 6/0,4kV và kho thuốc nổ”.

- Phối hợp với các Phòng chức năng TCTy thẩm định Phương án tự thực hiện và dự thảo hợp đồng gói thầu số 13 “Xây dựng đường lò khai thông +150 và đường lò chuẩn bị +110”; trình TGD phê duyệt và ký kết hợp đồng.

IV. Công tác thăm dò, phát triển tài nguyên

IV.1. Công tác thăm dò địa chất phát triển tài nguyên

- Các mỏ làm thủ tục xin cấp GPKT: 02 mỏ kẽm chì (Chợ Điền và Lang Hít) của CTCP KLM Thái Nguyên đang được Tổng cục Địa chất và Khoáng sản (ĐCKS) thẩm định hồ sơ cấp lại GPKT mỏ. Đối với mỏ vàng Minh Lương: Công ty CP vàng Lào Cai đã lập xong và đang chuẩn bị nộp Hồ sơ xin gia hạn GPKT cho cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

- Công tác thi công đề án thăm dò:

+ Đề án thăm dò BSNCTL phần sâu đến mức -600m mỏ đồng Sin Quyền, Lào Cai: ngừng triển khai thi công do vượt độ sâu GPKT mới (đến -188m) và chuyển sang giai đoạn lập báo cáo tổng kết.

+ Đề án thăm dò BS NCTL khu Đông Nam Vi Kẽm – Tây Bắc mỏ đồng Sin Quyền, Lào Cai: để phù hợp với Quy hoạch cũng như mục tiêu đầu tư nên điều chỉnh nhiệm vụ là thành lập đề án Thăm dò BSNCTL phần sâu toàn bộ mỏ đồng Sin Quyền, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai với mục tiêu trữ lượng khoáng 60.000 tấn Cu kim loại. Hiện tại Đơn vị tư vấn (Xí nghiệp địa chất 109) và VIMICO đang triển khai công tác lập đề án.

IV.2. Công tác tính trả tiền sử dụng tài liệu địa chất, tiền cấp quyền khai thác mỏ và trình duyệt hồ sơ xin cấp phép khai thác

- Công tác tính tiền cấp quyền khai thác mỏ: Đã hoàn thành và có QĐ phê duyệt của Bộ TNMT đối với 02 mỏ đồng Sin Quyền và Vi Kẽm trong năm 2018. VIMICO đã nộp tiền và được giao Giấy phép khai thác mỏ Vi Kẽm; Đối với mỏ đồng Sin Quyền đang chờ thông báo nộp tiền của tỉnh Lào Cai để triển khai thực hiện.

- Đến nay VIMICO đã hoàn thành việc tính tiền cấp quyền khai thác và tiền sử dụng tài liệu địa chất đối với tất cả các mỏ trong toàn TCT.

V. Đánh giá tình hình thực hiện các giải pháp điều hành năm 2018

V.1. Những việc đã làm được

1. Về điều hành hoạt động SXKD

Đã quyết liệt chỉ đạo các đơn vị bám sát kế hoạch điều hành, các phương án sản xuất năm 2018 để triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế từng đơn vị, đảm bảo sản xuất hiệu quả với mục tiêu tổng quát là: **AN TOÀN - ĐỔI MỚI - PHÁT TRIỂN**.

Thực hiện quyết liệt giải pháp "1 tập trung" tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng, đã tiếp tục hỗ trợ nhân lực cán bộ có kinh nghiệm, máy móc thiết bị, hỗ trợ xây dựng các quy trình vận hành, quản lý và triển khai các biện pháp quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất tại Nhà máy và nâng cao hiệu quả SXKD của đơn vị.

2. Trong việc thực hiện đề án tái cấu trúc của Tổng công ty

- Đã thực hiện xong việc quyết toán và bàn giao công ty CP Công ty mẹ - Tcty.

- Về tái cơ cấu mô hình tổ chức doanh nghiệp: Đã hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức lại các phòng, ban cơ quan Tổng công ty, các phòng, ban phân xưởng tại các đơn vị trực thuộc. Số lượng phòng ban cơ quan TCT, phòng ban, phân xưởng các đơn vị trực thuộc giảm theo đúng Đề án. Chức năng nhiệm vụ một số phòng, ban phân xưởng được sắp xếp lại đáp ứng yêu cầu thực tế sản xuất.

- Về tái cơ cấu vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con, đơn vị liên kết của Tổng công ty: Theo kế hoạch, Tổng công ty sẽ thực hiện thoái toàn bộ vốn của TCT tại 02 công ty liên kết, 04 công ty con; giải thể 02 công ty con và TT điều trị Bệnh nghề và PHCN. Mặc dù đã rất tích cực triển khai tái cơ cấu vốn góp tại các doanh nghiệp, song mới chỉ thực hiện xong các thủ tục giải thể CTCP Thương mại và Vận tải Liên Việt. Các đơn vị còn lại do gặp vướng mắc về quy định của Nhà nước nên chưa thể thực hiện tái cơ cấu vốn góp do hầu hết các đơn vị cần thoái vốn của Tổng công ty không phải là công ty đại chúng và/hoặc đang có lỗ lũy kế nên không thực hiện thoái vốn bằng hình thức chào bán đầu giá công khai. Tổng công ty kịp thời báo cáo TKV, Bộ Tài chính các vướng mắc này, đến nay vẫn chưa có hướng dẫn đầy đủ về pháp lý để thực hiện.

3. Về thực hiện các giải pháp kỹ thuật công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả

3.1. Công tác khai thác mỏ

Công tác khai thác mỏ trong năm 2018 có nhiều cố gắng, mỏ đạt sản lượng cao kỷ lục từ trước đến nay (Sin Quyền, Chợ Điền).

Đã bám sát kế hoạch kỹ thuật công nghệ, kế hoạch sản lượng điều hành và các giải pháp kỹ thuật ban hành để triển khai có hiệu quả, đảm bảo an toàn trong khai thác mỏ, đáp ứng cung cấp đủ quặng nguyên khai cho khâu tuyển. Trong năm 2018, mỏ đồng Sin Quyền đã vượt kế hoạch sản lượng bóc đất, đạt 11,2 triệu m³, bằng 102,2% KHN. Tổng công ty trong năm cũng đã triển khai XDCB các mỏ đồng Vi Kẽm, mỏ Chi kẽm Cúc Đường, mỏ thiếc Thập Lục Phần; thi công đắp đập và nắn suối Ngòi Phát đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, an toàn; tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý kỹ thuật khai thác đặc biệt là khâu khoan nổ mìn, xúc bốc, kiểm soát cung độ vận tải.

3.2. Công tác tuyển khoáng

- *Đối với tuyển nổi đồng*: đã thí nghiệm để triển khai từ tháng 6/2018 ổn định việc thay thế Butyl xantat bằng thuốc tuyển PAX trong tuyển nổi đồng, các chỉ tiêu công nghệ cơ bản đạt yêu cầu, tinh quặng đồng đạt chất lượng > 25%Cu, hiện đang tiếp tục tách lưu huỳnh (S) trong tinh quặng sắt xuống < 1%S không sử dụng axit sulfuric, đã chạy thử Nhà máy tuyển đồng số 2 từ tháng 11/2018.

- *Đối với tuyển kẽm chì*: Duy trì tốt hoạt động của các xường tuyển kẽm, chỉ đảm bảo cung cấp tinh quặng kẽm cho NM điện phân kẽm Thái Nguyên.

- *Đối với tuyển xi đồng* đã tiến hành thử nghiệm thuốc tuyển mới thay thế Butylxantat nhằm nâng cao thực thu, giảm hàm lượng đồng trong đuôi xi thải.

- *Đối với các xường tuyển thiếc và tuyển sắt*: Đã tăng cường công tác tổ chức quản lý sản xuất, hoàn thiện ổn định công nghệ đảm bảo chất lượng sản phẩm và các chỉ tiêu công nghệ.

3.3. Công tác luyện kim

Đã bám sát kế hoạch kỹ thuật và các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phối hợp SXKD năm 2018 của Tcty. Luôn đảm bảo kỹ thuật công nghệ sản xuất, ngoài ra đã thực hiện nhiều giải pháp để cải tiến công nghệ, giảm tiêu hao vật tư, năng lượng, nhiên liệu, giảm chi phí sản xuất hàng tỉ đồng.

- *Trong sản xuất đồng cathode*: đã nghiên cứu thiết kế, chế tạo lắp đặt và đưa vào vận hành từ tháng 8/2018 đối với hệ thống điện cực tự tiêu để thay thế điện cực graphit đã giảm trên 50% chi phí/1 tấn sản phẩm, thay thế gạch chịu axit bể tuần hoàn axit sậy khô hấp thụ bằng vật liệu nhựa ETCFE;

- *Trong sản xuất kẽm thỏi*: cải tiến thiết bị công nghệ, nâng cao năng suất và thời gian hoạt động lò thiêu lớp sôi, thực hiện khử Cl trong dung dịch điện phân trong công nghệ sản xuất kẽm thỏi.

- Trong sản xuất phôi thép: đã thực hiện thu hồi khí than dư lò cao để sử dụng cho sản xuất vôi nung giá rẻ, cung cấp toàn bộ cho sản xuất gang thép, tiến hành điều chỉnh tỉ lệ nguyên liệu và phụ gia, thu hồi sử dụng bụi lò chuyên để giảm tiêu hao quặng sắt trong thiêu kết, xây dựng hệ thống bảo quản quặng thiêu kết và than cốc, thay đổi phương thức sử dụng than coke, nâng cao tỉ lệ quặng thiêu kết chín trong sản xuất gang lò cao từ 80% lên 85%, sử dụng than antraxit thay thế 65% chất tăng cacbon giá cao khi sản xuất thép SD295A, điều chỉnh tỉ lệ và gia tăng sử dụng liệu nguội trong khâu luyện thép...góp phần giảm chi phí, nâng cao sản lượng phôi thép.

3.4. Công tác cơ điện, tin học hóa, tự động hóa

- Công tác huy động thiết bị: Thiết bị khai thác, vận tải tại Chi nhánh Mỏ tuyển được huy động tối đa năng lực hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu thiết bị, khối lượng sản xuất theo kế hoạch 2018. Thiết bị tuyển khoáng, luyện kim được huy động theo yêu cầu công nghệ và kế hoạch sản xuất, tuy nhiên do thời gian sử dụng lâu nên nhiều thiết bị còn hỏng hóc, hoạt động chưa ổn định.

- Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, gia công chế tạo phục hồi: Các đơn vị duy trì tốt chế độ kiểm tra, chăm sóc thiết bị đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng thiết bị cho sản xuất. Công tác sửa chữa bảo dưỡng các cấp cho thiết bị tại các đơn vị được thực hiện trên cơ sở quy định về chu kỳ kỹ thuật. Các đơn vị đều có nhiều cố gắng, phục hồi sử dụng phụ tùng cũ, giảm giá trị sửa chữa.

Tổng giá trị SCTX, gia công chế tạo phục hồi trong kỳ tại Công ty mẹ TCT thực hiện đạt 135,03 tỷ đồng/136,70 tỷ đồng KH, bằng 98%KH.

Tổng giá trị sửa chữa lớn thực hiện: 251.943 triệu đồng/KH 275.008 triệu đồng, đạt 91,6% KH.

- Công tác quản lý, sử dụng nguyên nhiên vật liệu, điện năng: Các đơn vị đều quan tâm, kiểm soát thường xuyên. Công tác quản lý và sử dụng điện năng bảo đảm an toàn, phân đấu giảm tiêu hao trong sản xuất, đảm bảo định mức tiêu hao.

- Về công tác tin học hóa, tự động hóa

+ Về tin học hóa:

(i) Dự án đầu tư xây dựng phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP tại Công ty mẹ - Tổng công ty với tổng mức đầu tư: 4,677 tỷ đồng. Tổng giá trị thực hiện đến hết tháng 12/2018: 2 tỷ đồng.

(ii) Dự án đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT tại Trụ sở Tổng công ty và 05 công ty con đơn vị trực thuộc với tổng mức đầu tư được phê duyệt : 14,554 tỷ đồng. Tổng giá trị thực hiện đến hết tháng 12/2018: 14,343 tỷ đồng.

+ Về tự động hóa:

Căn cứ nội dung kế hoạch triển khai chương trình THH, TĐH năm 2018, đã hoàn thiện xong nội dung đề cương dự toán về TĐH tại Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai và Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai, trên cơ sở nội dung đề cương và dự toán được phê duyệt, Tổng công ty tiến hành lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực kinh nghiệm để triển khai khảo sát xây dựng đề cương TĐH hoàn chỉnh giải pháp, lập thiết kế kỹ thuật TĐH sản xuất trong các dây chuyền tuyển khoáng, luyện kim tại hai Chi nhánh trên trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty.

3.5. Công tác An toàn - Môi trường

Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 17-NQ/ĐU ngày 01/3/2017 của BTV Đảng ủy Tập đoàn về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác an toàn lao động giai đoạn 2017-2020; Chương trình hành động số 138/CTr-TKV ngày 27/7/2018 của Tập đoàn về thực hiện Nghị quyết liên tịch số 33-NQ/ĐUTKV-ĐUTQN ngày 18/4/2018 của Đảng ủy TKV và Đảng ủy Than Quảng Ninh về công tác bảo vệ môi trường. Tự tổ chức tập

huấn, hướng dẫn công tác ATVSLĐ và BVMT cho 50 cán bộ quản lý các cấp trong Tcty. Chủ động rà soát, đánh giá các nguy cơ rủi ro về ATVSLĐ để có biện pháp phòng ngừa thích ứng. Phối hợp với Trung tâm Cấp cứu mỏ-Vinacomin rà soát kế hoạch/ phương án và kiểm tra công tác phòng ngừa sự cố, PCCC; phối hợp với Cục Cảnh sát Môi trường (C05) kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT tại các đơn vị sản xuất. Trong năm, các đơn vị làm khá tốt công tác ATMT, không sự cố, tai nạn lao động nghiêm trọng; thiệt hại do thiên tai, cháy nổ cũng giảm đáng kể so với các năm trước.

Tổng giá trị thực hiện công tác AT-VSLĐ thực hiện trong năm là 34,456 tỷ đồng, bằng 84,3% KHĐC.

3.6. Công tác tiêu thụ, quản lý mua sắm vật tư

- Về công tác tiêu thụ sản phẩm: Các sản phẩm do Công ty mẹ sản xuất và sản phẩm phối thép do Công ty CP GTCB sản xuất được tiêu thụ tại Công ty mẹ - Tcty thông qua phương thức đấu giá, chào giá cạnh tranh nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch lựa chọn được khách hàng có giá mua tốt nhất góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty.

- Về công tác quản lý mua sắm vật tư: Tăng cường kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý vật tư tại các đơn vị, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện Quy chế, quy trình quản lý mua sắm vật tư cho phù hợp với tình hình thực tiễn,... Tỷ lệ tồn kho vật tư bình quân toàn Tcty năm 2018 là 8,2% (Trong đó: Cty mẹ dưới 6%).

3.7. Công tác kế hoạch, quản trị chi phí - giá thành

- Đã chỉ đạo các Cty con, đơn vị trực thuộc rà soát lại kế hoạch SCL, SCTX, SC CTKT, nâng cao chất lượng thẩm định dự toán sửa chữa. Kéo dài thời gian hoạt động đối với các thiết bị đến chu kỳ sửa chữa nhưng vẫn còn hoạt động hiệu quả.

- Tăng cường thu hồi vật tư đã qua sử dụng, đánh giá chất lượng vật tư thu hồi từ đó có biện pháp xử lý để tái sử dụng nhằm tiết giảm chi phí mua vật tư, phụ tùng mới.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chi phí, giá thành sản xuất tại các đơn vị, trong đó đặc biệt quan tâm đến sản xuất phối thép tại CTCP Gang thép Cao Bằng để số lượng và chất lượng đảm bảo đáp ứng yêu cầu khách hàng.

Kết quả thực hiện giá thành sản xuất tính quặng đồng 25,5%Cu: 25,16 tr.đ/tấn, tăng 99,57 tr.đ/tấn (do tăng hệ số đất bóc từ 5,02 lên 7,73 m³/tấn QNK); Giá thành SX đồng tấm 99,95%Cu: 131,125 tr.đ/tấn, tăng 105,56 tr.đ/tấn so với KH.

3.8. Công tác tài chính, kế toán, thanh tra kiểm toán nội bộ

Đã chủ động giải quyết các vướng mắc liên quan thu xếp vốn cho các dự án đầu tư, thu xếp đủ vốn phù hợp với dòng tiền, hỗ trợ thu xếp vốn lưu động cho các công ty con.

Tích cực làm việc với các địa phương, Bộ ngành liên quan trong việc đề xuất giảm các loại thuế, phí phù hợp với điều kiện SXKD của doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

Đã tăng cường thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đôn đốc các đơn vị thực hiện các kết luận của Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính Phủ.

3.9. Công tác tổ chức lao động tiền lương

- Chỉ đạo các đơn vị tiếp tục rà soát, sắp xếp, định biên lại lao động cho phù hợp. Bố trí lao động hợp lý tại các khâu, bộ phận sản xuất. Thực hiện luân chuyển, điều động trong nội bộ Tcty, hạn chế tối đa việc tuyển dụng mới. Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo phù hợp với nhu cầu và tình hình SXKD của Tcty. Thực hiện kế hoạch đào tạo năm 2018 trong đó xây dựng chương trình và triển khai lớp đào tạo cán bộ cấp trung trong diện quy hoạch đáp ứng yêu cầu công tác quản lý và tổ chức cho cán bộ tham gia các chương trình đào tạo của Tập đoàn; đào tạo tuyển dụng đủ lao động cho Dự án MRNCS Khu mỏ tuyển; đào tạo chuẩn bị nhân lực cho Dự án MRNCS Luyện đồng Lào Cai. Trong năm đã phối kết hợp với Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam triển khai công tác tuyển sinh và mở lớp đào tạo CNKT khai thác mỏ hầm lò và lớp cơ điện hầm lò cho Dự án mỏ Vi Kẽm.

- Tcty đã tiến hành kiểm tra và phối hợp kiểm tra giúp các đơn vị kịp thời khắc phục các sai sót trong quản lý LĐTL, thu nhập của người lao động. Thu nhập người lao động ổn định, tăng so với năm 2017. Không còn tình trạng lao động nghỉ việc nhiều như các năm trước.

- Hoàn thành công tác quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020 – 2025, rà soát bổ sung giai đoạn 2016 - 2020 đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý Tcty và các đơn vị thành viên. Kiện toàn các chức danh lãnh đạo cấp cao của Tổng công ty (Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tcty), các chức danh lãnh đạo tại đơn vị theo đúng quy trình.

4. Về giải pháp áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất- kinh doanh, đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, các giải pháp hợp lý hóa sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả SXKD, góp phần giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm ở tất cả các công đoạn sản xuất, chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong năm 2018, công tác sáng kiến CTKT, HLHSX tiếp tục được toàn thể CBCNV-NLĐ hăng hái thực hiện, toàn Tcty có 15 sáng kiến CTKT, HLHSX đã được công nhận để đưa vào thẩm định xét thưởng với giá trị làm lợi trên 10 tỷ đồng. Về công tác nghiên cứu khoa học, Tcty đã hoàn thành nghiệm thu thanh quyết toán các đề tài NCKH cấp Tập đoàn với TKV góp phần duy trì và nâng cao hiệu quả SXKD.

5. Các mặt công tác khác

- Công tác an ninh trật tự, bảo vệ ranh giới mỏ, đền bù GPMB được giữ vững.
- Công tác thi đua khen thưởng, văn hóa – thể dục thể thao được duy trì, tạo không khí vui tươi, phấn khởi và tạo động lực cho người lao động tiếp tục phát huy sáng kiến, năng lực công tác để cống hiến góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của Tcty.

V.2. Những tồn tại hạn chế

1. Về sản xuất

Một số mỏ thực hiện kế hoạch thấp, nguyên nhân chủ yếu là do: Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều vướng mắc làm chậm một số dự án so với tiến độ (nắn suối Nậm Chôn; đền bù bãi thải Tây Nam mỏ Sin Quyền; khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ); Điều kiện khai thác các mỏ thiếc sa khoáng khó khăn, khai trường xuống sâu, diện tích hẹp, chiều cao bờ công tác lớn, khai tuyển lại bãi thải cũ (mỏ Tĩnh Túc); Mỏ thiếc Bản Cò đang làm các thủ tục đóng cửa mỏ, mỏ thiếc Suối Bắc đang dừng sản xuất và chuẩn bị các thủ tục trước khi cấp phép khai thác lại; Tình hình an ninh, trật tự tại một số mỏ diễn biến phức tạp, công tác bảo vệ mỏ gặp khó khăn; Thiết bị huy động phục vụ khai thác tại một số mỏ chưa đủ đáp ứng yêu cầu sản xuất.

Trong công tác điều hành sản xuất phối thép mặc dù đã có những tiến triển khi thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp đã nêu, nhưng do xảy ra sự cố quạt gió cao áp, lò cao luyện gang bị rụng chuông nhỏ phải tạm dừng hoạt động, chất lượng nguyên nhiên liệu như quặng sắt, than cốc chưa đều và có biến động, chưa làm chủ vận hành công nghệ, một số

thời điểm lò cao hoạt động không ổn định dẫn đến sản lượng phôi thép không đạt được kế hoạch đề ra.

2. Về quản lý vật tư

- Một số đơn vị tỷ lệ tồn kho vật tư còn cao so với quy định như: CTCP KSLK Cao Bằng, CTCP GTCB...

- Việc đánh giá chất lượng, hiệu quả đối với công tác gia công chế tạo phục hồi chưa được thực hiện thường xuyên. Một số thiết bị đưa vào sửa chữa chưa đảm bảo tiến độ, thời gian làm ảnh hưởng đến việc huy động thiết bị.

- Các đơn vị chưa tuân thủ chế độ báo cáo. Thời gian nộp báo cáo chậm, phải nhắc nhở nhiều. Kế hoạch mua sắm vật tư lập chưa sát với nhu cầu sử dụng, chưa bám sát tồn kho dẫn đến phải điều chỉnh, sửa đổi làm ảnh hưởng đến việc tổ chức mua sắm.

3. Về công tác kiểm tra, kiểm soát khoán, quản trị chi phí

Việc tổng hợp hồ sơ, báo cáo kiểm soát chi phí giá thành theo định kỳ hàng tháng còn hạn chế, chưa kịp thời, chưa được các đơn vị, bộ phận làm công tác quản trị quan tâm sâu.

4. Về tiến độ thực hiện các dự án đầu tư

Tiến độ thực hiện các dự án đầu tư còn chậm, do:

- Thời gian cho việc trình cơ quan quản lý Nhà nước và người có thẩm quyền thẩm định thông qua về phê duyệt thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng các hạng mục công trình kéo dài.

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, không thống nhất được chi phí đền bù. Ngoài ra, nguyên nhân còn do các cổ đông ngoài không đồng thuận triển khai thực hiện dự án (Dự án cải tạo nâng công suất Nhà máy kềm điện phân Thái Nguyên); Chậm cấp giấy phép khai thác khoáng sản (Dự án khai thác hàm lò Vi kềm,...); Vương mắc do thu hồi quặng Apatit tại mặt bằng xây dựng nên chậm triển khai thi công xây dựng; Tinh Lào Cai bổ sung quy hoạch xây dựng Cửa khẩu Bản Vược làm cho Dự án phải điều chỉnh Tổng mặt bằng, một số hạng mục công trình phải tạm dừng chờ điều chỉnh quy hoạch và thiết kế xây dựng (Dự án MRNCS Nhà máy luyện đồng Lào Cai); Công tác giải ngân thanh toán cho các hợp đồng xây dựng chậm, ảnh hưởng đến nguồn lực và tiến độ thi công của các nhà thầu;...

- Dự án Đất hiếm Đông Pao, do không thu xếp được vốn, sản phẩm dự án không đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, không chứng minh được thị trường tiêu thụ.

V.3. Bài học kinh nghiệm

- Bám sát mục tiêu nhiệm vụ, kế hoạch để điều hành đồng bộ các giải pháp đề ra một cách khoa học. Xây dựng chi tiết kế hoạch kiểm tra, giám sát, kiểm soát quản trị chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, chi phí đầu vào, đầu ra góp phần quan trọng trong hoạt động SXKD.

- Phát huy sức mạnh tập thể, tinh thần kỷ luật - đồng tâm. Làm tốt công tác tư tưởng, thông tin, tuyên truyền kịp thời tới người lao động để cùng nắm rõ tình hình khó khăn chung của doanh nghiệp để từ đó có sự cảm thông, chia sẻ, tạo sự đồng thuận trong công tác điều hành quản lý, tiết kiệm chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Các giải pháp công nghệ đã được nghiên cứu, áp dụng trong năm 2018 sẽ tiếp tục được phát huy trong năm 2019.

- Mô hình tổ chức của Tổng công ty đã gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả hơn.

2. Khó khăn

- Điều kiện khai thác tại đa số các đơn vị khó khăn hơn, thiết bị tuyển khoáng luyện kim xuống cấp nhiều.

- Chính sách thuế phí tiếp tục duy trì ở mức cao. Các yêu cầu về môi trường trong hoạt động khoáng sản ngày nghiêm ngặt.

- Các dự án trọng điểm với dây chuyền công nghệ hiện đại hơn được đưa vào sản xuất đòi hỏi thị trường vận hành phải nắm bắt, thích ứng kịp thời với công nghệ mới.

II. MỤC TIÊU

- Doanh thu

+ Công ty mẹ - Tổng công ty: 3.033 tỷ đồng, trong đó: Doanh thu khoáng sản: 3.007 tỷ đồng, doanh thu khác: 26 tỷ đồng.

+ Toàn Tổng công ty (hợp nhất): 6.951 tỷ đồng. Trong đó: Doanh thu sản xuất khoáng sản: 6.850 tỷ đồng; Doanh thu sản xuất, kinh doanh khác: 101 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế

+ Công ty mẹ - Tổng công ty: 88 tỷ đồng, trong đó: Từ khoáng sản: 87,145 tỷ đồng; Kinh doanh khác: 0,855 tỷ đồng.

+ Toàn Tổng công ty (hợp nhất): 294 tỷ đồng, bao gồm: Lợi nhuận từ khoáng sản: 292 tỷ đồng; Lợi nhuận từ kinh doanh khác: 2 tỷ đồng.

- Tỷ lệ cổ tức: 3%

- **Tiền lương bình quân:** Toàn Tổng công ty đạt 9,046 triệu đồng/người/tháng (Công ty mẹ: 10,55 triệu đồng/người/tháng)

- **Lao động sử dụng trong kỳ:** 4.812 người (Công ty mẹ: 1.930 người).

- **Tổng giá trị ĐTXD CB:** 1.626,996 tỷ đồng. Trong đó: Xây lắp: 581,578 tỷ đồng; Thiết bị: 901,519 tỷ đồng; Chi phí tư vấn và khác: 143,899 tỷ đồng.

- Các sản phẩm chủ yếu sản xuất - tiêu thụ

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Sản xuất	Tiêu thụ
I	Công ty mẹ - Tổng công ty			
1	Tinh quặng đồng			
	NM 1 (HL 25%Cu)	Tấn	46.000	
	NM 2 (HL 23%Cu)	Tấn	33.997	20.000
2	TQ sắt quy 60%Fe	Tấn	107.580	130.000
3	Đồng katốt 99,95%Cu	Tấn	14.000	14.000
4	Vàng 99,95%Au	Kg	525	525
5	Bạc thỏi 99%Ag	Kg	565	565
6	Axit sulfuric 93 - 98% H ₂ SO ₄	Tấn	53.200	53.000
II	Các công ty con			
1	Thiếc thỏi 99,75%-99,95% Sn	Tấn	302	302
2	Vàng sa khoáng (Cao Bằng)	Kg	5	5
3	Kẽm thỏi 99,95% Zn	Tấn	11.000	11.000
4	TQ sắt quy 60%Fe (KS3)	Tấn	75.000	75.000
5	Axit sulfuric 93 - 98% H ₂ SO ₄	Tấn	13.745	13.745
6	Tinh quặng chì 50% Pb	Tấn	3.700	3.700
7	Phôi thép	Tấn	220.000	220.000

III. CÁC BIỆN PHÁP CẦN TẬP TRUNG TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2019

Với mục tiêu phấn đấu hoàn thành hiệu quả và toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019, Tổng công ty và các đơn vị thành viên cần bám sát các giải pháp chủ yếu ban hành để điều hành, trong đó tập trung vào thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao năng suất, thực thu khoáng sản có ích, quản trị chi phí nhằm hạ giá thành, góp phần nâng cao hiệu quả SXKD chung, cụ thể:

1. Đối với công tác chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD - Đầu tư toàn Tổng công ty

- Tiếp tục chấn chỉnh, duy trì kỷ luật, kỷ cương, quyết liệt và sâu sát hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, tái cơ cấu từ Tổng công ty tới các đơn vị thành viên. Xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm các quy chế quản lý của Tổng công ty.

- Căn cứ kế hoạch SXKD đã được phê duyệt, các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch điều hành sản xuất, phương án tiêu thụ trên cơ sở bám sát diễn biến giá cả thị trường để điều hành chi phí một cách linh hoạt, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất trong toàn Tổng công ty.

- Kiểm soát chặt chẽ và tối ưu hóa các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ (tiêu hao cốc/gang, tỷ lệ thực thu tuyển khoáng, luyện kim, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng,.....). Nâng cao hiệu quả vận hành các nhà máy, dây chuyền công nghệ, thiết bị, giảm số sự cố, số ngày dừng vận hành không theo kế hoạch.

- Xây dựng hạ tầng CNTT thống nhất từ TCTy tới các đơn vị đáp ứng cho việc triển khai các hệ thống ứng dụng của chương trình tin học hóa, tự động hóa của Tổng công ty. Ứng dụng phần mềm dùng chung (ERP) trong công tác quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty.

- Tăng cường sử dụng sản phẩm, dịch vụ, hỗ trợ lẫn nhau trong nội bộ Tổng công ty, nội bộ Tập đoàn trên cơ sở đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh.

2. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, áp dụng KHCN, nghiên cứu các giải pháp công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, thực thu khoáng sản góp phần giảm chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD

2.1. Đối với công tác khai thác mỏ

Tăng cường công tác quản lý hệ số tổn thất, hệ số làm nghèo quặng; các thông số cơ lý, nham thạch đất đá và quặng (độ cứng, thể trọng, hệ số nở rời...) nhằm nâng cao hiệu quả công tác khai thác.

*** Đối với Công ty mẹ**

- Triển khai thực hiện phương án xác định kiểm tra hệ số nở rời đất đá, cấp đường vận tải tại khai trường mỏ Sin Quyền phục vụ công tác kiểm tra sản lượng mỏ, nghiệm thu chi phí theo cơ chế của TKV. Thời gian thực hiện trong tháng 01/2019.

- Tiếp tục tìm nguồn nguyên liệu phù hợp để thi công các công trình đập chắn thái nhằm giảm tối đa chi phí thi công xúc bốc, vận chuyển. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thi công hoàn thiện đập số 1 để đơn vị tư vấn thiết kế giai đoạn 2 của bãi thải quặng đuôi. Thời gian thực hiện trong quý I năm 2019. Thi công đập số 3, số 4 theo thiết kế thi công đã được phê duyệt đảm bảo an toàn khi 2 nhà máy tuyển khoáng hoạt động.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp kỹ thuật nâng cao chất lượng công nghệ khoan nổ mìn, bám sát kế hoạch kỹ thuật đưa ra giải pháp cụ thể để cải tạo hệ thống kỹ thuật khai trường, cải tạo nâng cao chất lượng các tuyến đường vận tải trên khai trường mỏ đồng Sin Quyền, đồng thời giảm chi phí sản xuất; thường xuyên tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện, có biện pháp xử lý kịp thời tình huống phát sinh (nếu có). Tiếp tục ứng dụng công nghệ GPS trong quản lý, điều hành mỏ.

- Kết hợp các tài liệu thăm dò, tài liệu địa chất mỏ và kết quả công tác khoan thăm dò khai thác để định hướng khai thác luôn có quặng sẵn sàng trên khai trường, đảm bảo đủ QNK đáp ứng cho 02 nhà máy tuyển.

- Lập phương án đồ thái bãi thải Tây Nam giáp khu vực Vi Kẽm, hồ Minh Tân cũ kết hợp với phương án cải tạo phục hồi môi trường để tăng diện đồ thái, giảm cung độ vận chuyển.

- Đẩy nhanh tiến độ GPMB mở rộng Bãi thải Tây Nam, Đông Nam. Bám sát tiến độ hạng mục nắn suối Nậm Chòn giai đoạn 2. Bám sát tiến độ hạng mục nắn suối Nậm Chòn giai đoạn 1, 2 đảm bảo diện đồ thái cho khai trường khu Tây theo kế hoạch.

- Thiết kế các tuyến hào liên thông tại bờ trụ khai trường khu Tây để giảm cung độ vận tải và chiều cao nắn tải trong năm 2019. Thiết kế bãi thải Tây Nam hợp lý, đáp ứng yêu cầu đồ thái trong thời gian chờ thi công nắn suối Nậm Chòn.

- Triển khai công tác XD CB mỏ Vi Kẽm.

*** Đối với các Công ty con**

- Tiếp tục triển khai các giải pháp kỹ thuật trong khai thác hầm lò, khoan thăm dò trước gương để nâng cao độ tin cậy của tài liệu địa chất, giảm rủi ro về tài nguyên và chi phí khai thác. Triển khai các giải pháp khai thác trụ bảo vệ thu hồi tối đa tài nguyên.

- Tập trung triển khai lựa chọn nhà đầu tư và tổ chức thực hiện Phương án hợp tác đầu tư khai thác khu Bắc mỏ Nà Rụạ; đẩy mạnh đền bù các bãi thải khu Nam; khai thác chọn lọc quặng khu Nam hợp lý đáp ứng yêu cầu sản xuất của khu Liên hợp gang thép Cao Bằng.

- Tập trung đền bù GPMB bãi thải số 1, số 3, số 4 mỏ sắt Nà Rụạ, đảm bảo dung tích đồ thái. Tiếp tục cập nhật và khảo sát hiện trạng thực tế, có giải pháp tăng dung tích đồ thái, giảm cung độ, tại mỏ sắt Nà Rụạ, khắc phục khó khăn trong công tác GPMB bãi thải. Báo cáo phương án lựa chọn bãi thải tốt nhất liên quan đến đất lúa theo yêu cầu của tỉnh Cao Bằng.

- Từng bước cải tạo hệ thống khai thác, thông gió, vận tải,... đảm bảo an toàn theo Quy chuẩn mới về an toàn trong khai thác hầm lò quặng.

- Nghiên cứu thử nghiệm các phương pháp nổ mìn cho phù hợp với điều kiện đất đá trong từng khu vực để tăng hiệu quả nổ mìn, giảm chi phí sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Sử dụng thiết bị cơ giới trong khâu xúc bốc tại một số đường lò CBSX có điều kiện phù hợp thay cho xúc bốc thủ công, tăng năng suất lao động.

- Nâng cao năng lực vận tải của thiết bị tại giếng đứng. Sử dụng xe cơ giới vận tải trong lò thay thế cho phương pháp vận chuyển bằng goòng thủ công tại một số vị trí mỏ via bằng lò bằng.

2.2. Đối với công tác tuyển khoáng

*** Tuyển nổi đồng**

- Nhà máy tuyển đồng số 1:

Tiếp tục đảm bảo tinh quặng đồng $Cu \geq 25,5\%$; $S \geq 30\%$; chất lượng tinh quặng sắt $Fe \geq 64,5\%$, lưu huỳnh (S) $\leq 1\%$ cung cấp cho Công ty CP Gang thép Cao Bằng để sản xuất phôi thép với sản lượng 30.000 tấn/năm.

Nghiên cứu triển khai ứng dụng dùng tấm lót cao su để thay thế tấm lót thép mangan cho 2 máy nghiền bi 3600x6000.

Nghiên cứu, tổ chức thăm quan học tập để xây dựng các giải pháp quản lý, công nghệ nâng thực thu tuyển đồng $\geq 94,0\%$.

Nghiên cứu sử dụng, thay thế các nguyên vật liệu mới để nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Nhà máy tuyển số 2:

Nhà máy tuyển số 2 nhanh chóng làm chủ công nghệ và thiết bị để sớm đạt các chỉ tiêu thiết kế, từng bước sản xuất tinh quặng đồng $\geq 25\%Cu$, TQ sắt HL $\geq 64\%Fe$.

- Đối với tuyển xi đồng:

Tiếp tục thực hiện thử nghiệm thuốc tuyển PAX thay thế thuốc Butylxantat nhằm nâng cao các chỉ tiêu KTKT của xưởng.

Nghiên cứu, thực hiện các giải pháp để giảm hàm lượng đồng trong đuôi xi tuyển $\leq 0,4\%Cu$.

*** Tuyển nổi kẽm chì:**

Ôn định thiết bị tuyển CELL, đảm bảo chất lượng tinh quặng kẽm $\geq 52\%Zn$, nâng cao thực thu tuyển;

Hoàn thiện công nghệ tuyển Chì oxit tại xưởng tuyển Cúc Đường.

*** Tuyển thiếc:**

Thực hiện thu hồi quặng thiếc cấp hạt mịn, tuyển tách Asen trong quặng đuôi tuyển thô thiếc gốc, đẩy nhanh xây dựng xưởng tuyển thiếc gốc Tây Nam Núi Pháo, công suất 30.000 tấn QNK/năm.

Tuyển tận thu lại thiếc cấp hạt mịn phần đuôi thải của dây chuyền trọng lực hiện tại, tận thu thiếc từ các bãi đá thải trước đây tại Công ty CP KS&LK Cao Bằng.

*** Tuyển sắt:**

Giảm hàm lượng Si trong tinh quặng sắt $\leq 6\%Si$ tại Xưởng tuyển Kíp Tước bằng cách bổ sung thêm các thiết bị tuyển trọng lực.

Bổ sung hệ thống thu hồi sắt Limonit trong quặng đuôi xưởng tuyển tại xưởng tuyển sắt Nà Rụa - Công ty CP Gang thép Cao Bằng.

2.3 Đối với công tác luyện kim

- Đối với sản xuất đồng cathode và sản phẩm đi kèm

Thực hiện mục tiêu sản lượng đạt ≥ 11.800 tấn đồng cathode, giảm tiêu hao, tiết kiệm chi phí, cụ thể như sau:

- + Đảm bảo chất lượng tinh quặng đồng vào luyện đạt $\geq 25,5\%Cu$, $\geq 30\%S$.
- + Nâng cao chất lượng sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, đặc biệt đối với nồi hơi nhiệt thừa, trạm oxy, đảm bảo thời gian hoạt động có ích hòa luyện ≥ 325 ngày.
- + Tăng cường hoạt động lò điện hồ quang 1.500 KVA, tiết kiệm chi phí sử dụng điện cực, giảm tiêu hao điện năng.
- + Nâng cao thu hồi đồng toàn bộ lên 97% với việc nghiên cứu, triển khai thực hiện giảm hàm lượng đồng xi vào tuyển $\leq 3,5\%$, đuôi xi tuyển $\leq 0,4\%Cu$;
- + Nghiên cứu thay thế vật tư, trợ dung, phụ gia để giảm chi phí sản xuất.

- Đối với sản xuất kẽm thỏi

Nghiên cứu, thực hiện sản xuất tấm dương cực 3 nguyên (Pb - Ag - Ca) cung cấp cho điện phân để giảm chi phí; Bổ sung 32 bể điện phân để tăng sản lượng, tiết kiệm chi phí điện năng; Ôn định nguồn cung cấp và sử dụng nhiên liệu lò hơi sản xuất kẽm thỏi; Nghiên cứu thay thế vật tư, trợ dung, phụ gia để giảm chi phí sản xuất.

- Đối với sản xuất phôi thép

+ Tiếp tục hoàn thiện tự vận hành thiết bị và làm chủ công nghệ để giảm tiêu hao, tiết kiệm chi phí, tiến tới không phải thuê chuyên gia nước ngoài.

+ Nâng cao chất lượng sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, đặc biệt ổn định hoạt động các thiết bị như lò cao, quạt gió cao áp lò cao, trạm phun than antraxit, trạm ôxy..., thời gian hoạt động có ích lò cao đạt ≥ 335 ngày.

+ Đảm bảo chất lượng quặng sắt vào thiêu kết $\geq 62,5\%Fe$, thực hiện trung hòa các nguồn quặng, chất lượng quặng thiêu kết $\geq 56\%Fe$.

+ Bổ sung thiết bị rải liệu lớp lót ghi thiêu kết để giảm tiêu hao ghi thiêu kết.

+ Thực hiện giảm tiêu hao cốc/gang đạt ≤ 430 kg/tấn gang lỏng với các biện pháp: đảm bảo chất lượng than cốc, chất lượng quặng thiêu kết $\geq 56\%Fe$, tăng tỉ lệ quặng thiêu kết lò cao $\sim 90\%$, nhiệt độ gió nóng $\geq 10500C$, phun than antraxit ≥ 125 kg/tấn gang.

+ Đầu tư xây dựng thiết bị để thực hiện tuyển tủa thép trong xi lò thổi.

+ Nghiên cứu thay thế vật tư, nhiên liệu, trợ dung, phụ gia để giảm chi phí sản xuất.

2.4. Đối với công tác sửa chữa cơ điện

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện hệ thống định mức KTKT cho các khâu khai thác, sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tại Mỏ đồng Sin Quyền. Nâng cao hiệu quả vận hành thiết bị, dây chuyền công nghệ, giảm tỷ lệ dừng máy (kể cả bảo dưỡng, sửa chữa, sự cố,...).

- Phối hợp rà soát, xây dựng định mức tiêu hao vật tư sản xuất, nội dung bảo dưỡng thường xuyên thiết bị cơ điện trong toàn Tổng công ty.

- Huy động và sử dụng hiệu quả năng lực thiết bị hiện có tại các đơn vị. Điều phối hợp lý năng lực thiết bị giữa các đơn vị trong Tổng công ty, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng thiết bị cho sản xuất tại các đơn vị.

- Tăng cường chỉ đạo giám sát chặt chẽ quy trình Trung đại tu và bảo dưỡng các cấp máy móc thiết bị, tăng cường công tác chế tạo các sản phẩm cơ khí phục vụ thiết thực, hiệu quả cho sản xuất tại các đơn vị trong nội bộ Tổng công ty.

- Áp dụng các giải pháp tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực cơ điện nhằm gia tăng năng lực thiết bị và nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Thực hiện các giải pháp Kinh tế - Kỹ thuật phù hợp, nâng cao chất lượng sửa chữa và tiết kiệm chi phí trong sửa chữa thiết bị (TĐT, SCTX), giảm ít nhất 10% giá trị SCTX và TĐT so với kế hoạch đã duyệt.

3. Tiếp tục đổi mới cơ cấu doanh nghiệp, nâng cao chất lượng quản lý, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư tại các đơn vị

- Tiếp tục triển khai thực hiện **Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2017- 2020** theo Kế hoạch đã được phê duyệt. Trong đó, tập trung thoái vốn tại các đơn vị theo kế hoạch; tiếp tục kiện toàn phương án mô hình tổ chức và định biên lao động Tổng công ty phù hợp tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu về nhân lực phục vụ tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Tăng cường phân cấp quản lý nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các công ty con, đơn vị trực thuộc và có chế tài phù hợp đảm bảo hiệu lực, hiệu quả điều hành.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành, tuân thủ và thực hiện các quy chế, quy định của Tổng công ty đã ban hành. Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư ngoài doanh nghiệp.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng quản lý cho cán bộ được cử làm người đại diện quản lý phần vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

4. Tăng cường quản lý công tác tiêu thụ sản phẩm, kiểm soát, quản trị chặt chẽ các chi phí đầu vào

- Đối với công tác tiêu thụ sản phẩm :

+ Tập trung tìm kiếm khách hàng, thị trường để tiêu thụ các sản phẩm: Phôi thép, tinh quặng sắt khu vực Lào Cai, axít sunfuric, đuôi xi xường tuyển luyện đồng.... Trong đó, chú trọng ưu tiên tiêu thụ tinh quặng đồng Nhà máy tuyển 2 để đảm bảo dòng tiền ổn định phục vụ SXKD của Tổng công ty.

+ Tiếp tục hoàn thiện phương thức tiêu thụ đối với các sản phẩm đồng, a xít, tinh quặng sắt, phôi thép để nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác tiêu thụ.

+ Xây dựng hoàn chỉnh và ban hành đầy đủ các tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn đối với sản phẩm mới (phôi thép chế tạo, sản phẩm Sunfat đồng) nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường hiện nay.

+ Xây dựng phương án giá bán phôi thép theo giá cốc (hệ số giá phôi thép/giá cốc) để điều hành phù hợp với thị trường, đảm bảo hiệu quả trong sản xuất phôi thép. Định kỳ hàng quý tổng kết đánh giá giá hệ số giá phôi/giá cốc giữa kế hoạch và thực tế để đưa ra phương án điều hành hiệu quả cho quý tiếp theo.

- Đối với quản lý vật tư và các chi phí đầu vào:

+ Tiếp tục rà soát, phân loại vật tư, xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư phục vụ sản xuất, sửa chữa phù hợp với kế hoạch SXKD đã được phê duyệt. Làm tốt công tác khảo sát giá cả thị trường, giá vật tư mua vào để làm cơ sở lập dự toán mua sắm vật tư cho các đơn vị triển khai với tiêu chí giá dự toán giảm tối thiểu 5% so với giá mua vào bình quân năm 2018 và kế hoạch được duyệt.

+ Theo dõi, quản lý chặt chẽ tiến độ mua sắm vật tư, cân đối trên nhu cầu sử dụng để lập kế hoạch mua sắm, cung ứng hợp lý, tránh tồn kho, ứ đọng vốn kéo dài gây lãng phí.

+ Tổ chức phân loại vật tư, thanh lý những vật tư tồn đọng không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn, giảm tồn kho vật tư. Tập trung giảm tỷ lệ tồn kho vật tư đưa về mức quy định của TKV (dưới 6%).

+ Duy trì công tác kiểm tra, kiểm soát định kỳ việc sử dụng, thay thế và thu hồi vật tư tại các đơn vị, nhất là tại các đơn vị trực thuộc, tránh lãng phí và thất thoát trong sử dụng vật tư.

+ Nâng cao chất lượng thẩm định dự toán sửa chữa. Tăng cường thu hồi vật tư đã qua sử dụng và có biện pháp xử lý để tái sử dụng phù hợp nhằm giảm chi phí mua phụ tùng vật tư mới.

+ Chú trọng công tác cung ứng tinh quặng sắt, than cốc cho Công ty CP Gang thép Cao Bằng đảm bảo đủ nguyên nhiên liệu để duy trì sản xuất.

+ Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, chế tài về công tác vật tư để nâng cao hiệu quả, tăng tính chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị, gắn trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị, tập thể, cá nhân đối với việc thực hiện công tác vật tư tại đơn vị mình cũng như chấp hành chỉ đạo của Tổng công ty trong công tác này, trong đó chỉ tiêu mức tỷ lệ tồn kho vật tư là một trong những tiêu chí để xem xét đánh giá cán bộ cuối năm.

+ Đối với công tác mua sắm vật tư, các đơn vị ưu tiên sử dụng vật tư trong ngành có chất lượng, giá cả hợp lý, sử dụng vật tư mới có chi phí thấp hơn vật tư truyền thống. Tổng công ty duy trì kiểm tra định kỳ, các đơn vị tăng cường tự kiểm tra nội bộ về công tác vật tư.

- Đối với công tác kế hoạch, quản trị chi phí, giá thành

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, xây dựng các giải pháp tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra ở tất cả các khâu, công đoạn sản xuất kinh doanh. Triển khai thực hiện công tác quản trị chi phí trên nguyên tắc đảm bảo gắn quyền lợi và trách nhiệm từ Tổng công ty đến các đơn vị. Có cơ chế quản lý, điều hành, thưởng phạt rõ ràng của Tcty đối với các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ. Thực hiện chuyên đề khoán quản trị chi phí sửa chữa thường xuyên trong nội bộ Cty mẹ - Tcty.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện hệ thống định mức KTKT tại tất cả các khâu vận hành và sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ. Chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ và tối ưu các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ (định mức tiêu hao các vật tư, nguyên nhiên liệu chính có giá trị và mức độ ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của toàn doanh nghiệp như: than cốc phục vụ SX phôi thép, dầu diesel, phụ tùng vật tư răng gầu, lớp,..khâu khai thác tại mỏ đồng Sin Quyền; Chi phí sửa chữa thường xuyên; SCL;.... Các đơn vị cần thực hiện kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra ở tất cả các công đoạn sản xuất, làm tốt công tác thống kê cập nhật số liệu nhằm phục vụ tốt cho công tác quản trị.

+ Xây dựng, giao kế hoạch chi phí, giá thành sản xuất, công đoạn để điều hành ngay từ đầu năm và thực hiện kiểm soát, phân tích đánh giá chi phí hàng tháng, trong đó đặc biệt chú trọng các sản phẩm dự án đồng Công ty mẹ, phôi thép tại Cty CP Gang thép Cao Bằng.

+ Bám sát hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật (tạm thời) đã được HĐQT phê duyệt để điều hành (khâu khai thác). Tiếp tục trình TKV phê duyệt hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong Tổng công ty làm cơ sở kiểm soát quản trị trong Công ty mẹ - Tcty.

- Đối với công tác tài chính - kế toán

+ Xây dựng kế hoạch dòng tiền của năm, trên cơ sở đó cân đối, thu xếp vốn phục vụ SXKD, vốn tự có cho các DA đầu tư XDCB.

+ Xây dựng phương án tài chính phù hợp với kế hoạch điều hành của Tổng công ty.

+ Xây dựng và thuê tư vấn rà soát kế hoạch tài chính trung dài hạn, các quy trình quản lý về công tác tài chính kế toán.

5. Đẩy mạnh công tác quản lý ĐTXD

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm Công ty mẹ - Tổng công ty, đảm bảo quý IV/2019 đưa dự án đầu tư Nhà máy luyện đồng công suất 20.000 tấn/năm vào hoạt động.

- Tập trung thu xếp đủ vốn để triển khai các dự án đầu tư (đặc biệt dự án Khai thác chế biến Đất hiếm Đông Pao Lai Châu). Rà soát lại các hạng mục, công việc chưa cần thiết trong các dự án đang thực hiện để cắt giảm, nâng cao hiệu quả đầu tư. Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung các giải pháp kỹ thuật công nghệ từ khai thác, tuyển khoáng, luyện kim để nâng cao năng suất,... giảm tổng mức đầu tư.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý ĐTXD, tự giám sát, đánh giá đầu tư của Tổng công ty và các đơn vị

6. Đẩy mạnh công tác thăm dò phát triển tài nguyên

Đẩy mạnh công tác quản trị tài nguyên: Tăng cường công tác quản lý địa chất mỏ, quản lý tốt trữ lượng huy động khai thác trong kỳ, khoan thăm dò phục vụ khai thác; cập nhật và hiệu chỉnh tài liệu địa chất trắc địa; nhằm sử dụng tối đa trữ lượng khoáng sản.

3.2.1. Đối với Công ty mẹ

Tiếp tục thực hiện chủ trương tập trung nguồn lực đầu tư cho công tác thăm dò, phát triển tài nguyên quặng đồng tại khu vực Lào Cai để đáp ứng nguyên liệu cho các dự án mở rộng khai thác chế biến đồng, cụ thể:

- Hoàn thiện Báo cáo đánh giá tổng thể trữ lượng, tài nguyên và định hướng thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản đồng của TKV trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Báo cáo tỉnh Lào Cai để tổ chức thực hiện.

- Lập xong báo cáo tổng kết đề án thăm dò BSNCTL phần sâu đến mức -600m mỏ Sin Quyền, trình HĐ ĐGTLKS phê duyệt, để sớm đưa vào lập dự án khai thác hầm lò phần sâu mỏ đồng Sin Quyền.

- Hoàn thiện và trình phê duyệt, xin cấp giấy phép thăm dò (GPTD) để triển khai thi công 02 đề án: (1) Đề án thăm dò quặng đồng khu Lũng Thàng, trình Bộ TNMT trong quý I năm 2019; (2) Đề án thăm dò phần sâu dưới -600m toàn mỏ Sin Quyền dự kiến trình TKV thông qua trong quý I, trình Bộ TNMT trong quý II/2019.

3.2.2. Đối với các Công ty con

- Tổng hợp, đánh giá tổng thể tài nguyên trữ lượng quặng kẽm - chì khu mỏ Chợ Diên, đề xuất và triển khai công tác thăm dò NCTL để bổ sung nguồn trữ lượng phục vụ khai thác và đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định cho chế biến trong 5÷10 năm tới.

- Triển khai thủ tục thăm dò mở rộng ngoài diện tích đã cấp phép tại các khu Đầm Vạn, Khuổi Khem...

- Tiếp tục khẩn trương triển khai thủ tục đóng cửa mỏ thiếc Tĩnh Túc và xin khai thác tận thu thiếc trong bãi thải khu Tây mỏ Tĩnh Túc.

- Khẩn trương hoàn thành dự án khai thác để lập hồ sơ xin cấp phép khai thác mỏ thiếc Nậm Kép.

- Hoàn thành các Báo cáo thăm dò trình Hội đồng ĐGTLKSQG phê duyệt trữ lượng TDBS thiếc gốc Suối Bắc, sắt Nà Lũng và các thủ tục liên quan, sớm đưa mỏ thiếc gốc Suối Bắc trở lại hoạt động khai thác.

7. Đối với công tác an toàn - VSLĐ, BVMT

Thực hiện nhất quán mục tiêu "**không tai nạn, không sự cố, giảm bệnh nghề nghiệp**", phát triển SXKD "**hài hòa và bền vững, không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế**".

- Duy trì "An toàn - An ninh - An sinh" trong toàn Tổng công ty. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác, vận chuyển, chế biến, tiêu thụ khoáng sản. Chủ động ngăn ngừa và tích cực phối hợp với lực lượng chức năng địa phương để giải tỏa các tổ chức lấn chiếm, khai thác trái phép, vi phạm vào ranh giới quản lý mỏ.

- Thực hiện nghiêm túc các quy trình, quy phạm, các giải pháp bảo đảm ATLĐ trong sản xuất, chủ động phòng ngừa sự cố, hạn chế tối đa TNLĐ. Rà soát các giải pháp, biện pháp đảm bảo ATVSLĐ và BVMT trong từng công đoạn công nghệ sản xuất. Tăng cường kiểm tra và xử lý kiên quyết những đơn vị và cá nhân vi phạm quy trình kỹ thuật, quy định ATVSLĐ và BVMT trong sản xuất.

- Quan tâm xử lý các nguồn phát thải, nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tổng công ty góp phần bảo đảm cho sản xuất phát triển bền vững.

- Xây dựng và triển khai đồng bộ các nội dung về: Văn hóa an toàn lao động, văn hóa an toàn giao thông tại nơi làm việc phù hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị hướng tới mục tiêu xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Tổng công ty.

8. Công tác quản lý lao động, tiền lương, phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục kiện toàn công tác quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025 nhằm chuẩn bị tốt đội ngũ lãnh đạo quản lý các cấp của TCTY giai đoạn 2020-2025.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình tuyển dụng, đào tạo năm 2019 phù hợp với nhu cầu đào tạo và tình hình SXKD của Tổng công ty. Chú trọng tuyển dụng, đào tạo công nhân kỹ thuật cho các dự án đi vào hoạt động trong năm 2019- 2020, đào tạo các đối tượng thuộc diện quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, phương án trả lương và các cơ chế khuyến khích hợp lý cho người lao động từ Công ty mẹ Tcty đến các đơn vị cho phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay. Thực hiện thí điểm trả lương theo hiệu quả công việc KPI đối với khối cơ quan Công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc làm cơ sở áp dụng rộng rãi tới các đơn vị trong toàn Tổng công ty.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác LĐTL tại các đơn vị (định kỳ hàng quý hoặc đột xuất) để kịp thời báo cáo, đề xuất những phương án, giải pháp phù hợp với tình hình SXKD hiện nay của Tcty.

- Tăng cường sử dụng nhân lực trong nội bộ Tcty, cân đối để điều chuyển nhân lực giữa các đơn vị trong điều kiện cho phép để giảm thiểu số lượng lao động tuyển dụng mới.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chế độ phúc lợi, chính sách đãi ngộ hợp lý với người lao động để giữ chân lao động, nhất là với lao động hầm lò, thợ sửa chữa, công nhân luyện kim...

- Tổ chức tham quan học tập mô hình tổ chức sản xuất, công nghệ của các Công ty nước ngoài để hoàn thiện mô hình tổ chức quản trị, nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất tại các đơn vị.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018, triển khai nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2019 của Tổng công ty. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các quý vị cổ đông. Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tổng công ty xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng của Quý vị cổ đông đã sát cánh, đồng hành với Tổng công ty trong suốt năm qua, đồng thời đánh giá cao sự nỗ lực và tinh thần đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên, cùng nhau xây dựng Tổng công ty ngày càng phát triển.

Xin kính chúc các Quý vị cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TV.HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trịnh Văn Tuệ



Số: 572 /BC-VIMICO

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Với mục tiêu “**An toàn - Hiệu quả - Phát triển**” xây dựng Tổng công ty phát triển ổn định, bền vững; đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm có lợi thế, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả SXKD; Phân đầu đạt tốc độ tăng trưởng cao, đảm bảo tiến độ đầu tư các dự án, nhất là các dự án trọng điểm của Tổng công ty. Vì quyền lợi, lợi ích hợp pháp của các cổ đông, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên lần này, Hội đồng quản trị Tổng công ty kiểm điểm tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và đề ra nhiệm vụ chủ yếu trong năm 2019 như sau:

I. Hoạt động của HĐQT năm 2018

I.1. Tổng quan chung:

Năm 2018 được đánh giá là một năm thành công của Tổng công ty khi giá bán một số sản phẩm kim loại (đồng, kẽm,...) trên thị trường duy trì cao hơn giá kế hoạch điều hành đã tạo động lực cho Tổng công ty tập trung quản lý sản xuất, tăng sản lượng cùng với việc triển khai quyết liệt các giải pháp điều hành, công tác tiêu thụ sản phẩm luôn bám sát thị trường, công tác thoái vốn tại một số đơn vị theo kế hoạch đã được triển khai thành công và có hiệu quả... Tuy nhiên, Tổng công ty Khoáng sản - TKV cũng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức do điều kiện khai thác tại các mỏ ngày càng khó khăn, tài nguyên tại nhiều mỏ biến động giảm về trữ lượng, chất lượng, các chi phí về thuế tài nguyên, tiền cấp quyền, tiền sử dụng tài liệu địa chất tăng mạnh. Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, không thống nhất được chi phí đền bù; Khó khăn trong việc thu xếp vốn, tìm kiếm đối tác tiêu thụ sản phẩm đầu ra để thực hiện; Chậm trong cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

Với tinh thần đoàn kết, quyết tâm vượt khó, CB-CNVC toàn Tổng công ty đã nỗ lực, đoàn kết, sáng tạo, quyết liệt triển khai đồng bộ các giải pháp, góp phần thực hiện hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu SXKD như: Doanh thu hợp nhất đạt 5483 tỷ đồng, Lợi nhuận hợp nhất trước thuế hơn 225 tỷ đồng, người lao động cơ bản có việc làm và thu nhập ổn định bình quân 8,66 triệu đồng/người/tháng, Nộp ngân sách: 725,9 tỷ đồng, các chỉ tiêu khác về sản xuất, đầu tư đều đạt ở mức cao.

I.2. Hoạt động của HĐQT và những kết quả đạt được

Từ ngày 01/8/2018, Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số: 1312/QĐ-TKV ngày 23/7/2012 về việc thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn của TKV và Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP, theo đó Hội đồng quản trị Tổng công ty có sự thay đổi nhân sự: Ông Trần Quốc Lộc thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT, thôi tham gia HĐQT Tổng công ty; Ông Vũ Văn Long - Người đại diện phần vốn của TKV tham gia HĐQT và được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT Tổng công ty.

Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên là:

1. Ông Vũ Văn Long - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty;
2. Ông Trịnh Văn Tuệ - TV.HĐQT - Tổng Giám đốc Tổng công ty;
3. Ông Nguyễn Văn Hải - Thành viên chuyên trách HĐQT;
4. Ông Ngô Quốc Trung - Thành viên HĐQT;
5. Ông Đặng Đức Hưng - Thành viên HĐQT;

Năm 2018, HĐQT với trách nhiệm quản lý mọi mặt hoạt động SXKD của Tổng công ty, HĐQT đã chỉ đạo điều hành thực hiện đúng vai trò quản lý, giám sát và đưa ra nhiều chủ trương, biện pháp hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để Ban điều hành Tổng công ty đúng định hướng:

1. HĐQT Tổng công ty đã tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (01 cuộc họp ĐHCĐ thường niên 2018). HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã họp 59 phiên họp và ban hành 236 nghị quyết chỉ đạo và thông qua với các nội dung chủ yếu sau:

- Ban hành, sửa đổi, bổ sung một số Quy chế, Quy định quản lý nội bộ làm cơ sở cho việc quản lý điều hành của Tổng công ty và kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

- Chỉ đạo triển khai xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Tổng công ty. Năm 2018, nhiều đơn vị đã hoàn thành tốt kế hoạch đề ra trong năm như: Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền: Sản xuất Tinh quặng đồng 24%Cu đạt: 52.604 tấn, Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai sản xuất Đồng tấm 99,95%Cu đạt: 11.786 tấn đồng tấm Cathode, Vàng: 571 kg; Công ty CP KLM Thái Nguyên sản xuất Kẽm thời 99,95%Zn đạt: 11.200 tấn, Công ty CP Gang thép Cao bằng sản xuất Phôi thép: 185.538 tấn

- Chỉ đạo thực hiện thu xếp đủ nguồn vốn cho kế hoạch ĐTXD, đặc biệt là đối với các dự án lớn, công trình trọng điểm của Tổng công ty. Giá trị khối lượng thực hiện đầu tư xây dựng năm 2018 của Tổng công ty tiếp tục đạt mức cao trên: 1.019.125 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ đạt: 927 tỷ cao nhất từ trước đến nay. Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai cơ bản hoàn thành kế hoạch, đã chạy thử liên động có tải thành công, tổ chức khánh thành Nhà máy tuyển số 2. Dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai tuy giá trị khối lượng chưa đạt theo kế hoạch nhưng đã kịp thời tháo gỡ các vướng mắc tại hiện trường, hiện tại đang được đẩy nhanh tiến độ thi công, gồm các gói thầu: Tiếp tục triển khai thực hiện công việc của gói thầu số 8. Các nhà xưởng chính (hòa luyện, thủy luyện, sản xuất a xít) hạng mục phụ trợ (xử lý khí, khói thải, sản xuất oxy, giá đỡ đường ống), nhà ăn, kho bãi. Dự kiến, tháng 9/2019 sẽ thi công xong toàn bộ phần xây dựng cơ bản; Chạy thử, sản xuất thử: Quý IV/2019; Chính thức đi vào sản xuất: Tháng 01/2020.

- Kiên trì, quyết liệt triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin. Tiếp tục tuyên truyền quảng bá, mời gọi các nhà đầu tư nhằm giảm vốn của nhà nước trong Tổng công ty xuống còn 65%. Thực hiện thoái vốn thành công số vốn góp đầu tư vào Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai mang lại hiệu quả cao, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Thực hiện công tác phát triển nguồn nhân lực, thực hiện thành công một số mục tiêu chính trong Đề án tái cơ cấu về xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và CNKT trình độ cao.

- Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích pháp luật của Tổng công ty và cổ đông.

- Thông qua nhân sự đề Tổng Giám đốc Tổng công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng, ban, đơn vị trong Tổng công ty theo thẩm quyền.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị theo lĩnh vực được phân công đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Tổng công ty. Các chủ trương lớn, các quyết định của HĐQT ban hành đều tuân thủ theo đúng nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp đầy đủ, đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

3. Về thù lao của HĐQT thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

I.3. Giám sát hoạt động của Ban quản lý điều hành:

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban điều hành theo đúng quy định tại Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định phân cấp ủy quyền của HĐQT, của Người đại diện theo pháp luật cho Ban điều hành. Theo yêu cầu của HĐQT, Ban điều hành đã hoạch định, xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ của Tổng công ty, của từng đơn vị và của từng thành viên Ban điều hành bằng văn bản, đồng thời đã báo cáo HĐQT các nội dung trên. Năm 2018, Ban điều hành có 6 đồng chí gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Tất cả các cán bộ điều hành đều có đủ năng lực, đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao; thực hiện nhiệm vụ mẫn cán, trung thực, đạt hiệu quả cao, thực hiện tiết kiệm chi phí. Nội bộ đoàn kết nhất trí cao, có tinh thần học tập nâng cao trình độ, năng động tích cực và chủ động trong thực thi trách nhiệm của cán bộ quản lý. Tập hợp được đội ngũ nhân viên, hướng dẫn, đào tạo nhân viên hoàn thành được công việc. Duy trì tốt kỷ luật và xây dựng văn hóa, thương hiệu doanh nghiệp.

Các Nghị quyết của HĐQT giao cho Ban điều hành thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. Hàng tuần, tháng đã cử TV.HQĐT chuyên trách dự giao ban với Ban điều hành. Hàng quý, HĐQT đều tổ chức họp giao ban liên tịch giữa HĐQT và cơ quan điều hành để xây dựng kế hoạch, điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn; Thực hiện công tác kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính theo quy định, phục vụ kịp thời cho các quyết định của HĐQT và ĐHCĐ.

Mối quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Cơ quan điều hành Tổng công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị công ty.

I.4. Đánh giá chung về tình hình SXKD và tình hình tài chính năm 2018:

1. Các chỉ tiêu về giá trị:

1.1. Doanh thu:

- Công ty mẹ - Tổng công ty: 5.483,074 tỷ đồng

Trong đó:

+ Doanh thu khoáng sản dự án đồng: 2.407,298 tỷ đồng/2.318 tỷ đồng KH.

+ Doanh thu khoáng sản nội bộ: 2.053,731 tỷ đồng.

+ Doanh thu khác: 1.022 tỷ đồng/101 tỷ đồng KH.

- Toàn Tổng công ty (hợp nhất): 5.702,367 tỷ đồng/5.991,277 tỷ đồng KHĐC, bằng 95,18% KHĐC 2018, bằng 104,1% so với năm 2017, trong đó: Doanh thu khoáng sản: 5.401 tỷ đồng/5.769,277 tỷ đồng KHĐC, bằng 93,62% KHĐC và bằng 102,03% cùng kỳ 2017; Doanh thu khác: 301,34 tỷ đồng/222 tỷ đồng KHĐC, bằng 135,74% KHĐC và bằng 163,3% thực hiện 2017.

1.2. Lợi nhuận trước thuế:

- Công ty mẹ - Tổng công ty: 101,24 tỷ đồng/88 tỷ đồng KHĐC, đạt 115,05% KHĐC, trong đó: từ khoáng sản: 100,749 tỷ đồng, từ thu nhập khác: 0,49 tỷ đồng.

- Toàn Tổng công ty (hợp nhất): 225,559 tỷ đồng/232 tỷ đồng KHĐC; bằng 97,22% KHĐC và bằng 72,22% thực hiện năm 2017.

1.3. Tiền lương bình quân:

- Công ty mẹ - Tổng công ty: 10,724 triệu đồng/10,569 triệu đồng KHĐC /người/tháng, bằng 101,46% so với KHĐC và bằng 100,8% so với năm 2017.

- Toàn Tổng công ty: 8,66 triệu đồng/8,556 triệu đồng KHĐC, bằng 101,22% so với KHĐC và bằng 105,37 % so với cùng kỳ năm 2017.

1.4. Lao động sử dụng bình quân trong kỳ (cả năm):

- Công ty mẹ - Tổng công ty: 1.608 người/1.608 người, bằng 100% so với KHĐC và bằng 106,63% so với năm 2017.

- Toàn Tổng công ty: 4.550 người/4.550 người, bằng 100% so với KHĐC và bằng 97,39 % so với cùng kỳ năm 2017.

1.5. Nộp ngân sách (đã nộp)

- Công ty mẹ - Tổng công ty: 389,046 tỷ đồng.

- Toàn Tổng công ty: 725,985 tỷ đồng.

1.6. Tổng giá trị ĐTXD CB

- Tổng giá trị ĐTXD CB: 1.019,125 tỷ đồng, trong đó: Xây lắp: 361,732 tỷ đồng; Thiết bị: 488,548 tỷ đồng; Chi phí tư vấn, GPMB và khác: 168,845 tỷ đồng.

Với những nỗ lực của Ban Điều hành, Tổng công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

2. Đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn theo Nghị định 91/2013/NĐ-CP của Chính phủ và TT 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính;

2.1. Hệ số bảo toàn vốn (H):

- Theo báo cáo tài chính năm 2018 Công ty Mẹ: hệ số bảo toàn vốn 0.97 lần.

- Theo báo cáo tài chính hợp nhất: Hệ số bảo toàn vốn 0,98 lần.

Hệ số bảo toàn vốn đáp ứng yêu cầu.

2.2. Quản lý vốn chủ sở hữu:

Theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ, Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2018 xác định

theo Nghị định 91/2015 là triệu đồng. 2.091.757 triệu đồng

Theo báo cáo hợp nhất toàn Tổng công ty là 2.570.836 triệu đồng.

2.3. Thực hiện hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu:

- Tại Công ty mẹ thời điểm 31/12/2018, hệ số nợ phải trả/Vốn CSH là 1,57 lần.

- Hợp nhất Tổng công ty: Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH, Tổng công ty thực hiện là 2,08 lần.

Như vậy, hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty thực hiện năm 2018 thấp hơn và phù hợp quy định của Nhà nước tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và Quy chế tài chính của Tổng công ty.

Năm 2018, công tác quản lý tài chính có nhiều nỗ lực và đạt thành quả cao, nổi bật là việc thu hồi công nợ, đảm bảo các chỉ tiêu hàng tồn kho, chỉ tiêu tài chính và bảo toàn vốn. (BCTC đã được kiểm toán kèm theo tại văn bản số: 56/2019/UHY-BCKT ngày 13/3/2019)

3. Một số hoạt động khác

Công tác khai thác mỏ trong năm 2018 có nhiều cố gắng, mỏ đạt sản lượng cao kỷ lục từ trước đến nay (Sin Quyền, Chợ Điền). Đã bám sát kế hoạch kỹ thuật công nghệ, kế hoạch sản lượng điều hành và các giải pháp kỹ thuật ban hành để triển khai có hiệu quả, đảm bảo an toàn trong khai thác mỏ, đáp ứng cung cấp đủ quặng nguyên khai cho khâu tuyển. Tổng công ty trong năm cũng đã triển khai XDCB các mỏ đồng Vi Kẽm, mỏ Chì kẽm Cúc Đường, mỏ thiếc Thập Lục Phần; thi công đắp đập và nắn suối Ngòi Phát đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, an toàn; tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý kỹ thuật khai thác đặc biệt là khâu khoan nổ mìn, xúc bốc, kiểm soát cung độ vận tải.

Công tác tuyển khoáng: đã thí nghiệm tuyển nổi đồng để triển khai từ tháng 6/2018 ổn định việc thay thế Butyl xantat bằng thuốc tuyển PAX trong tuyển nổi đồng, các chỉ tiêu công nghệ cơ bản đạt yêu cầu, tinh quặng đồng đạt chất lượng > 25%Cu, hiện đang tiếp tục tách lưu huỳnh (S) trong tinh quặng sắt xuống < 1%S không sử dụng axit sulfuric; Duy trì tốt hoạt động của các xưởng tuyển kẽm, chì đảm bảo cung cấp tinh quặng kẽm cho NM điện phân kẽm Thái Nguyên.

Công tác luyện kim: trong sản xuất đồng cathode đã nghiên cứu thiết kế, chế tạo lắp đặt và đưa vào vận hành từ tháng 8/2018 đối với hệ thống điện cực tự thiêu để thay thế điện cực graphit đã giảm trên 50% chi phí/1 tấn sản phẩm, thay thế gạch chịu axit bê tuần hoàn axit sấy khô hấp thụ bằng vật liệu nhựa ETCFE; cải tiến thiết bị công nghệ, nâng cao năng suất và thời gian hoạt động lò thiêu lớp sôi, thực hiện khử Cl trong dung dịch điện phân trong công nghệ sản xuất kẽm thỏi; thực hiện thu hồi khí than dư lò cao để sử dụng cho sản xuất vôi nung giá rẻ, cung cấp toàn bộ cho sản xuất gang thép, tiến hành điều chỉnh tỉ lệ nguyên liệu và phụ gia, thu hồi sử dụng bụi lò chuyển để giảm tiêu hao quặng sắt trong thiêu kết, xây dựng hệ thống bảo quản quặng thiêu kết và than cốc, thay đổi phương thức sử dụng than coke, nâng cao tỉ lệ quặng thiêu kết chín trong sản xuất gang lò cao từ 80% lên 85%, sử dụng than antranxit thay thế 65% chất tăng cacbon giá cao khi sản xuất thép SD295A, điều chỉnh tỉ lệ và gia tăng sử dụng liệu nguội trong khâu luyện thép...góp phần giảm chi phí, nâng cao sản lượng phôi thép.

Về hiệu quả đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Tại 31/12/2018, Tổng công ty đầu tư vào 12 công ty, trong đó: 10 công ty cổ phần có vốn góp chi phối từ 51% V&L; 01

đơn vị liên kết và 01 đơn vị có mức < 20% VDL. Giá trị vốn góp đến 31/12/2018 theo mệnh giá là 727.660 Triệu đồng (giá trị theo sổ kế toán là 676.953 Triệu đồng) và tổng lợi nhuận trước thuế là 225.559 triệu đồng.

Tình hình cổ tức năm 2018: Trong tổng số 12 đơn vị do Tổng công ty đầu tư vốn năm 2018 dự kiến có 01 đơn vị là Công ty CP KLM Thái Nguyên có cổ tức theo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính là: dự kiến chi trả cổ tức là 80%: 73.440 Triệu đồng. Trong đó, Tổng công ty đã nhận tạm ứng tiền cổ tức đợt 1 năm 2018 tại Công ty CP KLM Thái Nguyên tỷ lệ 15% với số tiền là 13.770 Triệu đồng.

Công tác chăm lo đời sống, việc làm, cải thiện điều kiện làm việc tại các đơn vị đã được duy trì và phát triển. Hoàn thành việc xây dựng hệ thống thang bảng lương của Tổng công ty và triển khai thực hiện việc chuyển xếp lương cho người lao động theo quy định. Chia sẻ hỗ trợ các công ty con khắc phục khó khăn như Công ty CP Vàng Lào Cai, Công ty CP KS&LK Cao Bằng, Công ty CP Khoáng sản 3; Công ty CP Du lịch và Thương mại Bằng Giang với tổng số tiền trên 3 tỷ đồng.

1.4. Những tồn tại hạn chế:

Căn vào kết quả phân tích các chỉ tiêu tài chính năm 2018, có 9/12 đơn vị bảo toàn được vốn đầu tư của chủ sở hữu. Hệ số nợ phải trả trong giới hạn quy định. Tuy nhiên, một số đơn vị thuộc diện phải tăng cường giám sát vận dụng theo quy định tại Điều 24 Nghị định 87/NĐ-CP ngày 06/10/2015 có hiệu lực từ 01/01/2016 cụ thể như sau:

- Công ty CP Gang thép Cao Bằng: có hệ số nợ phải trả/vốn CSH là 15,26 lần, năm 2018 đơn vị lãi 18.825 Triệu đồng. Mặc dù năm 2018 đơn vị có lãi, nhưng lỗ lũy kế đến 31/12/2018 (273.035 Tr.đ) lên tới 63,48% vốn đầu tư chủ sở hữu.

- Công ty CP Vàng Lào Cai năm 2018 đơn vị lãi 17.022 Tr.đ, hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn 0,71 lần. Mặc dù năm 2018 đơn vị có lãi, nhưng lỗ lũy kế đến 31/12/2018 (37.770 Tr.đ) lên tới 35,97% vốn đầu tư chủ sở hữu. Tổng công ty đã thực hiện thoái vốn tại đơn vị này vào ngày 31/01/2019.

- Công ty CP Khoáng sản 3: năm 2018 lãi 3.778 Tr.đ nhưng đơn vị có hệ số nợ phải trả/vốn CSH là 3,15 lần.

- Công ty CP Địa ốc Khoáng sản đang xử lý tài chính để tái cơ cấu: Nguy cơ không thu hồi được nợ 10 tỷ đồng, giá trị vốn góp khó khả năng thu hồi.

- Công ty CP Vận tải và TM Liên Việt đã hoàn thiện thủ tục giải thể Công ty.

Khởi công ty liên kết thuộc diện cảnh báo do người đại diện QLV kiến nghị đại diện chủ sở hữu để tìm biện pháp khắc phục: Công ty CP Xi măng Tân Quang năm 2018 lãi 7.367 Tr.đ, nhưng đơn vị vẫn nằm trong diện giám sát đặc biệt do có hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 0,26 lần.

Do nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan việc thực hiện đầu tư nhiều dự án còn chậm so với tiến độ đề ra như: dự án đầu tư XDCT khai thác, chế biến quặng đất hiếm mỏ Đông Pao - Tam Đường - Lai Châu; dự án đầu tư khai thác tại mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ; dự án mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai; chậm quyết toán dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.

II. Kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2019

Năm 2019 bên cạnh những thuận lợi như: Kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục ổn định và tăng trưởng hơn năm 2018, giá khoáng sản có xu hướng ổn định và tăng,

các Nhà máy mới đi vào sản xuất đã hoạt động ổn định, trình độ quản lý vận và hành tốt hơn, lãi vay đang ở mức ổn định thuận lợi cho hoạt động SXKD - ĐTXD. Tuy nhiên, cũng gặp nhiều khó khăn khi công tác đền bù giải phóng mặt bằng tại nhiều đơn vị tiếp tục phức tạp, chính sách thuế - phí tiếp tục tăng cao, những khó khăn về tài chính của một vài cổ đông sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến tiền độ góp vốn, ảnh hưởng đến quá trình triển khai dự án đầu tư...

Trước tình hình trên, HĐQT Tổng công ty tập trung ưu tiên chỉ đạo các mặt hoạt động sau:

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2019 với các nội dung chủ yếu:

1.1. Hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của KHSX năm 2019 và các nhiệm vụ chính trong quản lý SXKD:

- Doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty: 6.951 tỷ đồng. Trong đó: Doanh thu SX khoáng sản: 6.850 tỷ đồng; Doanh thu sản xuất, kinh doanh khác: 101 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn Tổng công ty: 294 tỷ đồng.

- Tiền lương bình quân: Toàn Tổng công ty đạt 9,046 triệu đồng/người/tháng.

- Lao động sử dụng BQ trong kỳ: 4.812 người (Công ty mẹ - Tổng công ty: 1.930 người)

- Tổng giá trị ĐTXD CB: 1.626,996 tỷ đồng, trong đó: Xây lắp: 581,578 tỷ đồng; Thiết bị: 901,519 tỷ đồng; Chi phí tư vấn và khác: 143,899 tỷ đồng.

- Các sản phẩm sản xuất chủ yếu:

+ Đồng tấm: 14.000 tấn; Kẽm thỏi: 11.000 tấn, Thiếc thỏi 99,75-99,95%Sn: 302 tấn, Tinh quặng sắt 60%Fe: 182.580 tấn; Vàng 99,95%Au: 525 kg; Phôi thép các loại: 220.000 tấn.

1.2. Nâng cao hiệu quả đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty ở các doanh nghiệp mà Tổng công ty có vốn góp, giám và từng bước tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị để khắc phục tình trạng giám sát đặc biệt.

1.3. Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính năm 2019, đảm bảo cân đối và thu xếp đủ vốn để thực hiện đầu tư, đáp ứng yêu cầu SXKD, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông. Đẩy mạnh quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro.

1.4. Chỉ đạo Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Công ty con tiếp tục tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ nội bộ, công nợ phải thu của các khách hàng và các khoản công nợ tồn đọng khác.

1.5. Tiếp tục tập trung thực hiện Đề án tái cơ cấu của Tổng công ty. Thực hiện tái cơ cấu vốn của cổ đông. Thực hiện và chấp hành nghiêm túc việc quản lý cổ đông, công bố thông tin và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

1.6. Chỉ đạo thực hiện và tổ chức giám sát tốt việc thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm về tuân thủ chính sách pháp luật trong đầu tư và tiền độ, chất lượng đầu tư. Tổ chức thực hiện các nội dung về các dự án dở dang, quyết toán vốn đầu tư, xử lý tồn đọng về tài chính, tài sản, thu hồi công nợ nội bộ, công nợ phải thu của các khách hàng và các khoản công nợ tồn đọng khác.... của các công ty con, đơn vị trực thuộc theo nghị quyết của HĐQT đã ban hành, cụ thể:

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư các công trình trọng điểm, công trình lớn của Tổng công ty như: Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai; Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai....

- Rà soát tổng thể các dự án nhóm A, B đang trong giai đoạn thực hiện dự án đã và đang chậm tiến độ so với quyết định đầu tư ban đầu; tham mưu các giải pháp cụ thể để giải quyết dứt điểm các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án nhằm bảo đảm quy mô công suất, cũng như hiệu quả của dự án.

- Rà soát, sắp xếp, củng cố, bổ sung năng lực quản lý tại các Ban quản lý dự án trong toàn Tổng công ty, phối hợp thuê tư vấn Quản lý dự án theo yêu cầu của pháp luật, đáp ứng yêu cầu về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định của nhà nước.

- Nghiêm túc chấp hành các quy định của nhà nước trong hoạt động đấu thầu, trong quản lý hợp đồng xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo chất lượng tiến độ thực hiện các dự án. Đặc biệt quan tâm thực hiện nghiêm túc chỉ thị của Tập đoàn về lựa chọn nhà thầu qua mạng.

- Xây dựng kế hoạch phù hợp với công suất thiết kế của các dự án đã đưa vào vận hành, đảm bảo hoạt động có hiệu quả, thu hồi khoản lỗ lũy kế của dự án Gang thép Cao Bằng.

1.7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm đảm bảo hiệu quả SXKD toàn Tổng công ty;

1.8. Thực hiện pháp luật về an toàn lao động, an toàn môi trường;

1.9. Chuẩn bị các nguồn lực để chuẩn bị cho kế hoạch 2019: Năng lực hoạt động của thiết bị, bổ sung, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tài nguyên sẵn sàng ngay trong năm 2019.

2. Quan tâm đến xây dựng, đào tạo và bổ sung tuyển dụng cán bộ đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ. Tổ chức tuyển dụng theo quy chế được HĐQT phê duyệt. Hoàn thiện bộ máy quản lý, nâng cao năng lực quản lý của cán bộ về đầu tư xây dựng. Xây dựng kỷ luật kỷ cương và văn hóa doanh nghiệp;

3. Tăng cường giám sát, chỉ đạo bộ máy quản lý điều hành thực hiện công tác sản xuất kinh doanh và ĐTXD của Tổng công ty có hiệu quả, theo đúng nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Điều lệ của Tổng công ty và pháp luật đảm bảo quyền lợi chính đáng của các Cổ đông;

4. Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động của Tổng công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các quy chế hiện hành;

5. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị xã hội của Tổng công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình SXKD vì mục tiêu phát triển Tổng Công ty, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động xây dựng Tổng công ty ngày càng phát triển;

6. Về thù lao HĐQT, BKS đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao

HĐQT và BKS như kế hoạch 2019 trình Đại hội.

Trên đây là nội dung báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2018, phương hướng hoạt động năm 2019, HĐQT trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Xin trân trọng cảm ơn !

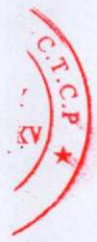
Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VP, HĐQT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Long



Số **573** /BC-BKS

Hà Nội, ngày **13** tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 16/11/2014 và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (Tổng công ty) sửa đổi, bổ sung lần thứ 3 được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ -VIMICO ngày 11/4/2018 của HĐQT Tổng công ty;

Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát Tổng công ty (BKS) theo quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và Quy chế hoạt động của BKS; Thay mặt BKS, xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Tổng công ty một số nội dung như sau:

Tình hình chung của Tổng công ty khi hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, tham gia thị trường chứng khoán và tổ chức công bố thông tin:

- Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ 06/10/2015 và đã đăng ký và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận: Chấp thuận hồ sơ đăng ký đại chúng ngày 28/12/2015; cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán ngày 09/3/2016 với số lượng 200.000.000 cổ phiếu, mã chứng khoán KSV; chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty trên sàn Upcom ngày 21/7/2016, ngày 28/7/2016 tại HNX cổ phiếu của Tổng công ty đã chính thức giao dịch trên sàn Upcom;

- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2018 về việc niêm yết cổ phiếu của Công ty mẹ Tổng công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội: HĐQT Tổng công ty đã có Nghị quyết giao Tổng giám đốc lựa chọn đơn vị tư vấn và triển khai thực hiện. Hiện nay, Tổng công ty và đơn vị tư vấn đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐQT Tổng công ty phê duyệt để nhanh chóng hoàn tất công tác niêm yết cổ phiếu của Công ty mẹ Tổng công ty;

- Tổng công ty đã xây dựng và ban hành Quy trình công bố thông tin (số 76/QĐ - VIMICO ngày 02/02/2016) và phân công cán bộ am hiểu thực hiện việc công bố thông tin;

- Tổng công ty đã chấp hành việc công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ, thông tin bất thường về tình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị của Tổng công ty.

PHẦN THỨ I

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Báo cáo hoạt động

1. Các hoạt động của Ban kiểm soát:

BKS luôn xác định thay mặt cổ đông để kiểm soát các mặt hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Tổng công ty (Công ty mẹ), chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông, mục đích bảo vệ quyền lợi hợp pháp, cao nhất của các Cổ đông.

Hoạt động của BKS trong năm 2018 được tiến hành chủ động, thực hiện kiểm tra, kiểm soát theo chức năng được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của BKS. Các hoạt động của BKS đều đặn, BKS làm việc tập chung 09 cuộc và qua điện thoại, hoặc Email, cụ thể:

1.1. Giám sát các hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết các cuộc họp của HĐQT, các Quy chế, Quy định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Tổng công ty do HĐQT Tổng công ty ban hành;

1.2. Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc thông qua việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT, thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc Tổng công ty trong từng lĩnh vực thuộc quyền hạn của mình được quy định tại Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty.

1.3. Kiểm tra, xem xét: tình hình hoạt động SXKD của Tổng công ty (Công ty mẹ), báo cáo thực hiện đầu tư XDCB và một số hồ sơ đầu tư, mua sắm vật tư và đánh giá tồn kho vật tư, công tác tái cơ cấu doanh nghiệp, sửa chữa tài sản cố định và một số hồ sơ cụ thể, xem xét: Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty mẹ, các báo cáo kiểm toán của các công ty kiểm toán độc lập.

1.4. Xem xét việc ban hành hệ thống quy chế, quy định của Tổng công ty.

1.5 Thông Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại một số công ty CP lớn, công ty trong diện giám sát tài chính đặc biệt: kiểm tra tổng quát tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm vật tư, đánh giá tồn kho vật tư, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và việc chấp hành nghĩa vụ của Người đại diện, chấp hành chính sách của Nhà nước;

1.5 BKS thường xuyên nghiên cứu tài liệu và tham gia các cuộc họp HĐQT; Ban điều hành; giao ban định kỳ và một số cuộc họp đột xuất của Văn phòng Tổng công ty. Tại các cuộc họp BKS có nhiều ý kiến đóng góp, tư vấn kịp thời và thực hiện giám sát việc thực hiện các chỉ đạo, kiến nghị của cổ đông.

1.6. Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật (bao gồm nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác).

2. Nhận xét chung về hoạt động của Ban Kiểm soát.

Trong năm BKS đã tổ chức các cuộc kiểm tra, kiểm soát định kỳ một số nội dung liên quan hoạt động: sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm vật tư và đánh giá tồn kho vật tư, sửa chữa thiết bị, công tác lao động tiền lương, báo cáo tài chính 06 tháng, năm của các đơn vị trực thuộc, Văn phòng Tổng công ty và thông Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại một số công ty CP lớn, đơn vị trong diện giám sát tài chính đặc biệt: kiểm tra tổng quát tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm vật tư và đánh giá tồn kho vật tư; việc chấp hành nghĩa vụ của Người đại diện, chấp hành chính sách của Nhà nước; các cuộc kiểm tra, kiểm soát đều ban hành Biên bản làm việc và thông báo kết quả kiểm tra, kiểm soát với HĐQT Tổng công ty để khắc phục những tồn tại, phát huy những mặt mạnh, ưu điểm...

Năm 2018, BKS không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo nào của cổ đông và CBCNV về tình hình hoạt động, quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo điều hành Tổng công ty.

Trong quá trình tham gia kiểm tra, kiểm soát, BKS đã góp phần tư vấn cho bộ máy điều hành của Tổng công ty hoàn thiện các mặt quản lý nhằm giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty có hiệu quả hơn, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và Tập đoàn TKV.

II. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

1. Đánh giá các cuộc họp của BKS và thực hiện kết luận kiến nghị của BKS

Thông qua các cuộc làm việc trực tiếp của BKS, các cuộc họp của BKS với HĐQT, Ban điều hành và giao ban định kỳ và các cuộc họp đột xuất khác. BKS có nhiều ý kiến, kiến nghị trực tiếp, bằng văn bản, tại biên bản với các nội dung liên quan tới nhiều mặt hoạt động sản xuất quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

Các kiến nghị, ý kiến đóng góp của BKS được HĐQT, Ban điều hành và bộ phận chuyên môn cùng thảo luận kỹ lưỡng và được Tổng công ty triển khai chấn chỉnh cơ bản kịp thời. Nhìn chung công tác quản trị của Tổng công ty là hệ thống các nguyên tắc cơ bản đảm bảo theo quy định và ngày càng được Tổng công ty quan tâm, chú trọng và hoàn thiện.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động, tài chính của Tổng công ty

Trong năm 2018, BKS không phát hiện trường hợp gian lận, bất thường trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính của Tổng công ty (Công ty mẹ). Các quy trình hoạt động đều tuân thủ theo yêu cầu của Nhà nước và hệ thống quản trị nội bộ của Tổng công ty và Tập đoàn TKV;

Qua các kỳ kiểm tra, kiểm soát định kỳ, BKS đồng ý với đánh giá về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY thực hiện.

3. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Ban lãnh đạo điều hành

- BKS thực hiện việc giám sát thực nhiệm vụ của HĐQT, Chủ tịch và thành viên HĐQT. Các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ theo quy định, đề cao trách nhiệm trước cổ đông và người lao động. HĐQT thực hiện các cuộc họp thường kỳ, đột xuất khác, mọi cuộc họp, đều đảm bảo về số lượng thành viên HĐQT tham gia, công tác gửi tài liệu trước mỗi cuộc họp, nội dung họp, tỷ lệ biểu quyết... để Nghị quyết được thông qua phù hợp đúng quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty và các quy định của Tập đoàn TKV (Trong năm Tổng công ty tổ chức Đại hội thường niên và ban hành 01 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, ban hành 59 Nghị quyết, quyết sách 272 nội dung liên quan tới các mặt hoạt động của Tổng công ty).

HĐQT đã thể hiện đúng vai trò là cơ quan quản lý Tổng công ty, có các quyết sách kịp thời, toàn diện phục vụ kịp thời cho hoạt động của Tổng công ty.

- Tổng giám đốc cũng như Ban điều hành luôn bám sát các Nghị quyết của HĐQT, Điều lệ của Tổng công ty, quyết liệt chỉ đạo, điều hành giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty vượt qua hoặc giảm thiểu các khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư do thay đổi chính sách của Nhà nước.

HĐQT và Ban Lãnh đạo điều hành đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ Tổng công ty quy định, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty diễn ra ổn định trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động phức tạp.

Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc và cán bộ quản lý của Tổng công ty.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT, Ban điều hành

Nhìn chung năm 2018, giữa BKS và HĐQT, Ban điều hành, các phòng/ban chức năng và đơn vị trực thuộc của Tổng công ty có sự phối kết hợp tốt trong công tác, cơ bản Ban kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của HĐQT, Ban giám đốc làm cơ sở BKS phát huy vai trò tư vấn, giám sát và hoàn thành nghĩa vụ bảo vệ quyền lợi của các cổ đông.

PHẦN THỨ II

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN, KẾT QUẢ SXKD; THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018.

1. Đặc điểm chung

- Năm tài chính của Tổng công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Tổng công ty là đơn vị 02 cấp kế toán (Công ty mẹ gồm: Văn phòng và các đơn vị trực thuộc; các công ty con (cổ phần chi phối) do các công ty đó trực tiếp lựa chọn đơn vị kiểm toán. Tổng công ty ký hợp đồng với đơn vị kiểm toán Công ty Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện kiểm toán Công ty mẹ và phát

hành báo cáo kiểm toán của Công ty mẹ và báo cáo kiểm toán hợp nhất toàn Tổng công ty.

- Ngày 03/8/2018 Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đã có Quyết định số 1498/QĐ –TKV về việc phê duyệt quyết toán công tác cổ phần hóa Tổng công ty Khoáng sản – VINACOMIN tại thời điểm chính thức chuyển thành Tổng công ty Khoáng sản TKV –CTCP (05/10/2015).

2. Nội dung Báo cáo

2.1 Xác nhận tính tuân thủ

BKS báo cáo trước ĐHCĐ kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2017 của Tổng công ty (Công ty mẹ) như sau:

1. Xác nhận tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và độ tin cậy trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban điều hành Tổng công ty;

2. Xác nhận tính tuân thủ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra;

3. Tổ chức bộ máy kế toán đảm bảo phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của Tổng công ty; sử dụng phần mềm kế toán trên máy tính để ghi sổ kế toán, lập và luân chuyển chứng từ kế toán đảm bảo tính hợp pháp.

Ban kiểm soát xác nhận tính trung thực, chính xác trong tổ chức công tác kế toán, thống kê, tài chính và lập báo cáo tài chính năm 2018. Báo cáo tài chính năm 2018 đã được lập đầy đủ mẫu biểu theo chế độ quy định theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kiểm toán Việt nam, chế độ kế toán doanh nghiệp của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2018 của Tổng công ty (Công ty mẹ, hợp nhất) do Công ty Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán (Ban chuyên môn của TKV cũng như Ban kiểm soát Tổng công ty cùng dự hợp trước khi thông qua báo cáo tài chính). Ban kiểm soát Tổng công ty xác nhận tính minh bạch, rõ ràng, và độ tin cậy của Báo cáo tài chính năm 2018 của Tổng công ty.

2.2 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	BCTC Hợp nhất năm 2018	BCTC Công ty Mẹ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5,688,476,416,067	5,392,343,641,715
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	5,688,476,416,067	5,392,343,641,715

4. Giá vốn hàng bán	4,868,018,756,702	5,031,538,700,478
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	820,457,659,365	360,804,941,237
6. Doanh thu hoạt động tài chính	7,237,236,952	89,045,958,378
7. Chi phí tài chính	223,163,011,998	88,913,579,633
8. Chi phí bán hàng	48,667,712,159	38,143,491,543
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	329,966,320,969	221,991,567,603
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {20+(21-22)-(25+26)}	225,897,851,191	100,802,260,836
11. Thu nhập khác	6,653,388,519	1,683,962,057
12. Chi phí khác	6,992,591,792	1,246,069,757
13. Lợi nhuận khác	(339,203,273)	437,892,300
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	225,558,647,918	101,240,153,136
- Thuế TNDN hiện hành	73,226,867,030	32,626,718,135
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(21,994,601,754)	(22,830,622,200)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	174,326,382,642	91,444,057,201

Đánh giá một số chỉ tiêu (Tổng công ty đã được Cổ đông lớn, chi phối chấp thuận điều chỉnh một số chỉ tiêu liên quan tới hoạt động kinh doanh, đầu tư và công tác lao động tiền lương)

- Doanh thu:

+ Công ty mẹ - Tổng công ty: 5.483,074 tỷ đồng (Trong đó - thực hiện/kế hoạch: Doanh thu khoáng sản dự án đồng: 2.407,298 tỷ đồng/2.318 tỷ đồng; Doanh thu khoáng sản nội bộ: 2.053,731 tỷ đồng, Doanh thu khác: 1.022 tỷ đồng/101 tỷ đồng KH)

Toàn Tổng công ty (hợp nhất): 5.702,367 tỷ đồng/5.991,277 tỷ đồng bằng 95,18% KHĐC 2018 - trong đó: Doanh thu khoáng sản: 5.401 tỷ đồng/5.769,277 tỷ đồng KHĐC, bằng 93,62% KHĐC và bằng 102,03% cùng kỳ 2017; Doanh thu khác: 301,34 tỷ đồng/ 222 tỷ đồng KHĐC, bằng 135,74% KHĐC và bằng 163,3% thực hiện 2017)

- Lợi nhuận trước thuế:

+ Công ty mẹ - Tổng công ty: 101,24 tỷ đồng/ 88 tỷ đồng KHĐC, đạt 115,05% KHĐC, trong đó: từ khoáng sản: 100,749 tỷ đồng, từ thu nhập khác: 0,49 tỷ đồng.

+ Toàn Tổng công ty (hợp nhất): 225,559 tỷ đồng/ 232 tỷ đồng KHĐC, bằng 97,22% KHĐC và bằng 72,22% thực hiện năm 2017.

- **Nợ ngân sách (đã nộp)**

+ Công ty mẹ - Tổng công ty: 389,046 tỷ đồng.

+ Toàn Tổng công ty: 725,985 tỷ đồng.

2.3. Một số chỉ tiêu tài chính

Tổng hợp cân đối kế toán:

CHỈ TIÊU	Số đầu kỳ (01.01.2018)	BCTC tại ngày 31/12/2018
1. Tài sản ngắn hạn	2,125,043,378,741	2,818,247,779,225
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>1,572,876,906,469</i>	<i>2,167,803,642,571</i>
2. Tài sản dài hạn	4,876,250,443,532	5,112,683,703,280
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>2,898,112,957,923</i>	<i>3,217,578,604,081</i>
Tổng cộng tài sản	7,001,293,822,273	7,930,931,482,505
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>4,470,989,864,392</i>	<i>5,385,382,246,652</i>
3. Nợ phải trả	4,354,180,601,144	5,345,671,673,658
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>2,301,970,539,896</i>	<i>3,289,073,789,334</i>
3.1. Nợ ngắn hạn	2,338,207,343,531	3,246,541,213,100
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>1,520,256,076,812</i>	<i>2,270,514,170,887</i>
3.2. Nợ dài hạn	2,015,973,257,613	2,099,130,460,558
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>781,714,463,084</i>	<i>1,018,559,618,447</i>
4. Vốn Chủ sở hữu (Chỉ tiêu 400 - BCDKT)	2,647,113,221,129	2,585,259,808,847
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>2,169,019,324,496</i>	<i>2,096,308,457,318</i>
5. Vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu 410 - BCDKT)	2,611,122,791,369	2,570,836,099,988
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>2,151,531,465,233</i>	<i>2,091,757,212,462</i>
6. Tổng cộng nguồn vốn	7,001,293,822,273	7,930,931,482,505
<i>Trong đó : Công ty mẹ</i>	<i>4,470,989,864,392</i>	<i>5,385,382,246,652</i>

Một số chỉ tiêu về hệ số tài chính:

TT	CHỈ TIÊU	Năm nay (Kỳ báo cáo: 31/12/2018)
A	B	C
1	Hệ số bảo toàn vốn: <i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	0.98
		0.97
2	Hệ số về khả năng thanh toán	
a	Hệ số thanh toán hiện thời: <i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	0.87
		0.95
b	Hệ số khả năng thanh toán nhanh: <i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	0.38
		0.70
3	Hệ số phản ánh cơ cấu nguồn vốn	
a	Hệ số nợ/Vốn CSH: <i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	2.07
		1.56
b	Hệ số nợ/Vốn điều lệ: <i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	2.66
		1.64
4	Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản	
a	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn: <i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	35.53%
		40.25%
b	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn: <i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	64.47%
		59.75%
5	Hệ số về khả năng sinh lời	
a	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu: <i>Trong đó: Công ty Mẹ</i>	3.06%
		1.70%
b	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA): <i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	2.33%
		1.86%
c	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE): <i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	6.73%
		4.31%

Một số nhận xét:

- Bảo toàn vốn: Công ty mẹ, Tổng công ty bảo toàn vốn năm 2018 Công ty Mẹ có lãi, lợi nhuận chưa phân phối là 91,4 tỷ. Như vậy Công ty Mẹ Tổng công ty bảo toàn vốn.

- Khả năng thanh toán nhanh của Công ty Mẹ là 0,7 lần: Công ty Mẹ đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số nợ trên VCSH: Công ty Mẹ và toàn Tổng công ty đều nhỏ hơn 3 lần đảm bảo theo quy định, phù hợp quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế tài chính của Tổng công ty.

- Cơ cấu vốn đầu tư: được ưu tiên đầu tư dài hạn là phù hợp.

3. Một số hoạt động khác:

Báo cáo các tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB năm 2018 ..của Tổng công ty đã được đánh giá đầy đủ. BKS thống nhất với các báo cáo của HĐQT, báo cáo của Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát có đánh giá một số mặt hoạt động như sau:

- Công tác tiêu thụ sản phẩm, mua sắm vật tư: Công ty Mẹ đã rà soát, sửa đổi các Quy chế, quy định về công tác quản lý, mua sắm vật tư và chỉ đạo Người đại diện quản lý phần vốn tại Công ty con rà soát và ban hành các quy định của Công ty cho phù hợp. Tại thời điểm lập báo cáo này Tổng công ty đã rà soát, sửa đổi, ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư số mới (QĐ 151/QĐ-VIMICO ngày 30/01/2019)

Tổng công ty tuân thủ phương thức, biện pháp.. tiêu thụ một số sản phẩm (phôi thép, đồng tấm) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua và có biện pháp điều hành tiêu thụ linh hoạt, hiệu quả, đảm bảo sản phẩm chính của Tổng công ty được cơ bản bán trực tiếp tới Nhà sản xuất phù hợp với các Quy chế, Quy định đảm bảo tuân thủ pháp luật.

Tổng công ty đã tăng cường công tác quản lý công tác, mua sắm và sử dụng vật tư, đa dạng nguồn cung cấp vật tư, nâng cấp kho tàng và bến bãi, giám sát và cân đối đảm bảo tỷ lệ tồn kho vật tư hợp lý cho sản xuất và tiết kiệm nhất, tỷ lệ tồn kho vật tư tại của Công ty Mẹ tại 31/12/2018 dưới 6%.

- Công tác đầu tư XDCB: HĐQT, Ban điều hành tiếp tục chỉ đạo việc rà soát, sửa đổi các Quy chế, quy định về công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản cho phù hợp và thường xuyên tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ làm công tác đầu tư, mở lớp, cử cán bộ tham gia học tập kiến thức đấu thầu qua mạng, giá trị thực hiện đầu tư toàn Tổng công ty 1.019.125 triệu đồng/1.144.753 đồng bằng 89% kế hoạch)

Mặc dù Tổng công ty đã có nhiều cố gắng, tuy nhiên do rất nhiều nguyên nhân khác nhau (được Tổng công ty đánh giá tại báo cáo về tình hình SXKD và thực hiện đầu tư của Tổng công ty trình bày trước quý Cổ đông) dẫn đến giá trị thực hiện đầu tư chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

Về cơ bản Tổng công ty chấp hành tốt công tác lựa chọn Nhà thầu, chấp hành chính sách của Nhà nước và TKV về công tác đấu thầu trong lựa chọn Nhà thầu, quyết liệt chỉ đạo và thực hiện đấu thầu qua mạng (Trong năm Tổng công ty đã thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng được 14 gói thầu mua sắm hàng hóa), đảm bảo giá trúng thầu không vượt dự toán gói thầu:

- Công tác tái cấu trúc lại doanh nghiệp:

+ Thoái một phần vốn của TKV đầu tư tại Tổng công ty: Tổng công ty đã tích cực phối hợp với các Ban chuyên môn của TKV và đơn vị tư vấn chào bán cổ phần, cung cấp bổ sung tài liệu liên quan để tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo, theo quyết định của TKV;

+ Tái cơ cấu vốn của Tổng công ty tại các công ty cổ phần, công ty liên kết: do các vướng mắc về chính sách của Nhà nước chưa được tháo gỡ mà việc thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty CP, liên kết chưa thực hiện được (tại thời điểm báo cáo Tổng công ty đã thực hiện thoái hết phần vốn đầu tư tại Công

ty CP Vàng Lào Cai bảo toàn được vốn và thu hồi hết công nợ). Do địa phương điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và nhiều thay đổi, dẫn tới nay chưa hoàn thành việc giải thể Công ty CP Gang thép Lào Cai theo phê duyệt.

- Công tác quản lý lao động, tiền lương:

+ Quản lý lao động:

+ Lao động có mặt tại thời điểm 01/01/2018 : 4.520 người (Công ty mẹ: 1.484 người); Lao động tăng trong kỳ: 324 người (Công ty mẹ: 236 người);- Lao động giảm trong kỳ: 432 người (Công ty mẹ: 61 người);- Lao động có mặt tại thời điểm 31/12/2018 : 4.412 người (Công ty mẹ: 1.643 người)

Lao động sử dụng bình quân trong năm đảm bảo theo kế hoạch (Tổng công ty: 4.550 lao động – Công ty mẹ: 1.608 lao động). Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động, chế độ bồi dưỡng độc hại cho người lao động thực hiện theo quy định.

+Tiền lương bình quân năm 2018 toàn Tổng công ty: 8.660 đồng/người/tháng, bằng 101,2 % tiền lương kế hoạch năm 2018 (tiền lương bình quân tại Công ty Mẹ: 10.724 đồng/người/tháng, bằng 101,5 % tiền lương bình quân kế hoạch 2018);

+ Tổ chức sắp xếp mô hình phòng, ban: năm 2018 Tổng công ty triển khai thực hiện sắp xếp và định biên lao động theo mô hình mẫu, Hội đồng quản trị VIMICO đã phê duyệt mô hình tổ chức, định biên lao động Công ty mẹ Tổng công ty giai đoạn 2018 - 2020, theo đó VIMICO đã triển khai sắp xếp cơ cấu tổ chức và định biên lại các phòng, ban Cơ quan của VIMICO (sáp nhập phòng CNTT vào Văn phòng; gộp 02 phòng Tuyển khoáng và phòng Luyện kim thành phòng Tuyển khoáng - Luyện kim). Đối với các Chi nhánh (đơn vị trực thuộc) cũng đã thực hiện triển khai sắp xếp cơ cấu, định biên lại lao động và hoàn thành trong năm 2018. Đối với các công ty con, VIMICO đã có định hướng và chỉ đạo các đơn vị rà soát cơ cấu lại mô hình tổ chức theo mô hình mẫu đảm bảo tinh gọn hiệu quả và phù hợp với điều kiện và đặc thù của từng đơn vị.

- Về công tác An toàn - Môi trường: Tổng công ty xác định việc đảm bảo An toàn – Môi trường là một trong các nhân tố để tồn tại và phát triển bền vững của Tổng công ty, do vậy đã các cấp của Tổng công ty (Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, chuyên môn) đặc biệt quan tâm và có các quy định và chỉ đạo, giám sát kiểm tra thường xuyên.

PHẦN THỨ III

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2019

1. Đề xuất kiến nghị

1. Đề nghị HĐQT, Ban điều hành:

- Tiếp tục chỉ đạo Tổng công ty đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm, trong điều kiện Tổng công ty đang đồng loạt triển khai các Dự án (DA) lớn và cần quan tâm công tác nghiệm thu, thanh toán cho Nhà thầu được kịp thời, tăng cường công tác giám sát tiến độ đầu tư DA nói chung và gói thầu cụ thể nói riêng, cùng với công tác quản lý chặt chẽ chất

lượng, tiến độ, giá trị các gói thầu đã và đang triển khai, đảm bảo tiến độ, chất lượng và tiết kiệm chi phí đầu tư;

- Tiếp tục chỉ đạo Tổng công ty: tăng cường rà soát, kịp thời quyết toán vốn đầu tư DA hoàn thành, các chi phí tiền đầu tư hoặc DA có nguy cơ không triển khai; bám sát các tổ chức ngân hàng đảm bảo được giải ngân đủ nguồn vốn cho DA với các hợp đồng tín dụng đã ký kết và tìm kiếm các nguồn vốn hợp lý đảm bảo đủ vốn thực hiện các DA đầu tư;

- Tiếp tục chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con thực hiện giám sát chặt chẽ công tác đầu tư, kịp thời quyết toán vốn đầu tư DA hoàn thành, rà soát phê duyệt các chi phí, DA đầu tư nguy cơ không triển khai.

2. Đề nghị HĐQT, Ban điều hành tiếp tục chỉ đạo Tổng công ty rà soát, ban hành, sửa đổi các quy chế, quy định của Tổng công ty không còn phù hợp, còn thiếu, nhằm đảm bảo đồng bộ, chất lượng hệ thống các nguyên tắc quản trị công ty.

3. Với công tác tái cấu trúc lại doanh nghiệp, đề nghị HĐQT, Ban điều hành tiếp tục chỉ đạo:

- Tổng công ty tiếp tục phối hợp cao nhất với Tập đoàn TKV và đơn vị liên quan để thực hiện việc thoái phần vốn của Nhà nước thông qua Tập đoàn TKV đầu tư vào Tổng công ty theo quy định của Nhà nước.

- Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty cổ phần, liên kết tiếp tục bám sát các cơ quan Nhà nước, đẩy nhanh tiến độ công tác tái cấu trúc doanh nghiệp theo đề án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua, đảm bảo tiến độ và hiệu quả.

4. Đề nghị HĐQT, Ban điều hành tiếp tục chỉ đạo Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con: tiếp tục tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ nội bộ, công nợ phải thu của các khách hàng và các khoản công nợ tồn đọng khác.

5. Đề nghị HĐQT, Ban điều hành: tiếp tục quyết liệt chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Công ty cổ phần, liên kết bám sát các đơn vị, ngày càng nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị này; đặc biệt Công ty CP Gang thép Cao Bằng (CISCO) là đơn vị mà Tổng công ty góp vốn lớn: thông qua mọi biện pháp chỉ đạo, điều hành, công tác tổ chức... tới nay Nhà máy Gang thép Cao Bằng đã cơ bản hoạt động ổn định, công suất ngày càng được nâng cao... Đề nghị Tổng công ty tiếp tục quyết liệt chỉ đạo, tạo mọi nguồn lực hợp pháp để Nhà máy sớm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty cũng như Tổng công ty.

6. Đề nghị HĐQT, Ban điều hành tiếp tục chỉ đạo:

- Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con ngoài việc tuân thủ các quy chế, quy định của Nhà nước, Tổng công ty trong công tác mua sắm vật tư, tiêu thụ sản phẩm, ngoài việc đảm bảo chất lượng vật tư, giá cả cạnh tranh, mở rộng nguồn cung cấp... phải đảm bảo tỷ lệ tồn kho vật

tư hợp lý, không ảnh hưởng tới tính liên tục của hoạt động kinh doanh và góp phần tiết kiệm chi phí tài chính;

- Tổng công ty: tìm kiếm khách hàng, thị trường tiêu thụ sản phẩm tinh quặng đồng có thể không có nhu cầu sử dụng hết, do: năm 2019 DA Mở rộng nâng công suất khu Mỏ tuyển đồng Sin Quyền đi vào hoạt động, vì nhiều lý do khác nhau mà DA mở rộng và nâng công suất Nhà máy Luyện đồng Lào Cai chưa thể hoàn thành, vận hành trong năm 2019.

2. Đề nghị thù lao, chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát đề nghị thù lao của Ban Kiểm soát thực hiện theo chế độ của Nhà nước, Tập đoàn TKV và quy định cụ thể phù hợp đặc thù, quy mô của Tổng công ty;

- Các chế độ khác (chế độ công tác phí, đào tạo, các chi phí khác) thực hiện theo quy định hiện hành của Tổng công ty.

3. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2019

3.1 Phương hướng chung:

- Ban kiểm soát thực hiện quyền thay mặt cổ đông để giám sát, kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Tổng công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty, quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát đã đề ra và các quy định khác có liên quan;

- Ban kiểm soát phấn đấu nghiên cứu, hoàn thiện kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, rộng hơn để đảm bảo rằng hoạt động của Ban Kiểm soát vừa có tính tư vấn, giám sát bảo vệ tối đa lợi ích của các cổ đông và không ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

3.2 Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Nghiên cứu tài liệu để tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban, Ban điều hành và các cuộc họp đột xuất liên quan trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và có các ý kiến phát biểu, đóng góp kịp thời;

- Giám sát các hoạt động của HĐQT thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết các cuộc họp của HĐQT, các quy chế, quy định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Tổng công ty ban hành;

- Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc điều hành thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, các quy định của Tổng giám đốc Tổng công ty trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Tổng giám đốc được quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT công ty và tài liệu khác liên quan;

- Tham gia vào việc lựa chọn và đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019. Thực hiện chương trình kiểm soát tình hình hoạt động SXKD của Tổng công ty (thông qua Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị Cổ phần lớn, trọng điểm thực hiện kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh, thực hiện đầu tư..), kiểm soát báo

cáo thực hiện đầu tư XD CB, hoạt động mua bán vật tư, tái cơ cấu doanh nghiệp, tiêu thụ và xem xét các báo cáo kiểm toán của các Công ty kiểm toán độc lập.

- Xem xét việc ban hành hệ thống quy chế, quy định của công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật (bao gồm nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác...).

- Kiểm soát việc thực hiện quỹ tiền lương, thực hiện lao động, thu nhập và thực hiện quyền lợi của người lao động và các hoạt động khác, theo Biên bản nghị quyết Hội nghị người lao động hàng năm và Biên bản Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua.

- Bố trí thời gian tham gia cùng bộ phận thanh tra, kiểm toán của Tổng công ty và bộ phận khác thực hiện một số cuộc kiểm tra theo kế hoạch của bộ phận thanh tra, kiểm toán đã lập, nhằm hạn chế chồng chéo trong công tác kiểm tra đối với đơn vị.

- Các nội dung khác phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty.

Kính chúc các Quý vị cổ đông mạnh khỏe!

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lương Văn Lĩnh

Lương Văn Lĩnh

T.C.P

Số: **574** /TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày **13** tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty khoáng sản- TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế tài chính của Tổng công ty khoáng sản -TKV;

Căn cứ Báo cáo tài chính Công ty mẹ, Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng công ty năm 2018 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ về việc thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận 2018 của Công ty mẹ Vimico như sau:

1. Báo cáo tài chính

Trình ĐHĐCĐ thông qua BCTC công ty mẹ, BCTC hợp nhất toàn TCTy năm 2018 với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1.1. Công ty mẹ Tổng công ty

1.1.1. Bảng cân đối kế toán

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
I	Tổng tài sản	5.385.382	4.470.990
1	Tài sản ngắn hạn	2.167.804	1.572.877
2	Tài sản dài hạn	3.217.579	2.898.113
II	Tổng nguồn vốn	5.385.382	4.470.990
1	Nợ phải trả	3.289.074	2.301.971
2	Vốn chủ sở hữu	2.096.308	2.169.019
	<i>Tr.đó: Vốn điều lệ</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>

1.1.2. Kết quả SXKD

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
1	Tổng doanh thu	5.483.074	5.415.317
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	101.240	178.155
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	91.444	151.532

1.2. Hợp nhất toàn Tổng công ty

1.2.1. Bảng cân đối kế toán

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
I	Tổng tài sản	7.930.931	7.001.294
1	Tài sản ngắn hạn	2.818.248	2.125.043
2	Tài sản dài hạn	5.112.684	4.876.250
II	Tổng nguồn vốn	7.930.931	7.001.294
1	Nợ phải trả	5.345.672	4.354.181
2	Vốn chủ sở hữu	2.585.260	2.647.113
	Tr.đó: Vốn điều lệ	2.000.000	2.000.000

1.2.2. Kết quả SXKD

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
1	Tổng doanh thu	5.702.367	5.477.854
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	225.559	312.322
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	174.326	240.998

(BCTC đã được kiểm toán kèm theo tại văn bản số: 56/2019/UHY-BCKT ngày 13/3/2019)

2. Phương án phân phối lợi nhuận:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đã thông qua kế hoạch SXKD năm 2018, trong đó không nêu kế hoạch về tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2018 (Nghị quyết số 717/NQ-VIMICO ngày 27/3/2018).

Căn cứ kết quả SXKD năm 2018, dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2018 là 2,5%. Theo đó, HĐQT trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 Công ty mẹ T Cty khoáng sản như sau:

- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế : 91.444 tr.đ (1)
- Chi phí thuế thu nhập hoãn lại: 22.831 tr.đ (2)

(Đây là khoản thuế thu nhập DN phát sinh do loại trừ chi phí cấp quyền khai thác năm 2018 chưa nộp vào NSNN. Khoản chi phí này đồng thời phát sinh tăng chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại nên không làm thay đổi chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế nhưng sẽ được trừ đi khi phân phối lợi nhuận năm 2018 và được hoàn lại trong năm 2019 sau khi Tcty đã thực hiện nộp đủ tiền cấp quyền khai thác năm 2019)

- Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối(1)-(2): 68.613 tr.đ
- + Chi trả cổ tức: 50.000 tr.đ
- + Trích quỹ KT,PL: 18.278 tr.đ
- + Trích quỹ thưởng người quản lý DN: 335 tr.đ

(Bảng phân phối lợi nhuận kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu: VP, TCKT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Vũ Văn Long



00103087
TỔNG CÔNG TY
KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CÔNG TY MẸ NĂM 2018

	Nội dung	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	101.240.153.136
2	Chi phí thuế TNDN	9.796.095.935
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.116.062.262
	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	22.830.622.200
3	Lợi nhuận sau thuế	91.444.057.201
4	Lợi nhuận sau thuế để phân phối (trừ thuế TNDN hoãn lại)	68.613.435.001
4.1	Chi trả cổ tức (%)	50.000.000.000
4.2	Bù đắp các khoản lỗ năm trước đã hết thời hạn bù vào LNNT	-
4.3	Lợi nhuận còn lại sau để phân phối các quỹ	18.613.435.001
a	Trích quỹ ĐTPT (tối đa 30%)	0
b	Trích quỹ KTPL	18.278.185.001
c	Trích quỹ thưởng người QLDN	335.250.000
d	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau phân phối	-



Số: **575** /TTr - VIMICO

Hà Nội, ngày **13** tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v phân phối tiền lương, thù lao 2018 và kế hoạch thù lao 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 717/NQ-VIMICO ngày 27/3/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

HĐQT Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua về nội dung phân phối tiền lương, thù lao năm 2018 và kế hoạch thù lao năm 2019 của Người quản lý Tổng công ty như sau:

I. Thực hiện 2018

1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH điều chỉnh năm 2018	TH năm 2018
1	Tổng giám đốc	01	576.000.000	576.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	04	2.088.000.000	1.957.500.000
3	Kế toán trưởng	01	486.000.000	445.500.000
	Tổng cộng	08	3.150.000.000	2.979.000.000

2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH điều chỉnh năm 2018	TH năm 2018
1	TV HĐQT	01	522.000.000	522.000.000
2	TB kiểm soát	01	522.000.000	522.000.000
	Tổng cộng	02	1.044.000.000	1.044.000.000

Hình thức chi: Vimico chi trả trực tiếp.

3. Thù lao của TV HĐQT, Trưởng ban KS không chuyên trách chi trả bằng 15% mức tiền lương thực hiện:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2018	TH năm 2018
1	CT HĐQT	01	86.358.798	86.358.798
2	TV HĐQT	03	234.787.983	234.787.983
3	TV kiểm soát	02	145.730.472	145.730.472
	Cộng	06	466.877.253	466.877.253

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

- VIMICO trực tiếp trả thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VIMICO.

II. Kế hoạch 2019

1. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	Thành viên HĐQT	01	43.500.000	522.000.000
2	TB Kiểm soát	01	43.500.000	522.000.000
	Cộng	02		1.044.000.000

2. Thù lao của TV HĐQT, Trưởng ban KS không chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Tiền lương tháng	Số người	Tỷ lệ	Thù lao tháng	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	48.000.000	01	20%	9.600.000	115.200.000
2	Thành viên HĐQT	43.500.000	03	20%	8.700.000	313.200.000
3	Thành viên BKS	40.500.000	02	20%	8.100.000	194.400.000
	Cộng		06			622.600.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, HĐQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Long

Số: 576 /TTr -VIMICO

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (Tổng công ty) sửa đổi, bổ sung lần thứ 3 được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ -VIMICO ngày 11/4/2018 của HĐQT Tổng công ty;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP;

Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát Tổng công ty được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty;

Căn cứ vào việc tổ chức lựa chọn, đánh giá hồ sơ năng lực Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng công ty.

Ban kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông quan và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Tổng công ty ký kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) năm 2019 với Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY, với một số nội dung sau:

- Phí Kiểm toán: 350.000.000 đồng (chưa bao gồm 10% thuế GTGT);
- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc cho năm tài chính 2019 (từ 01/01/2019 đến 31/12/2019), bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2019 đến 30/06/2019);
- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất Tổng công ty cho năm tài chính năm 2019, bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2019 đến 30/06/2019).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, BKS;

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

M.S.D.N. 010102
TỔNG CÔNG TY
KHOÁNG SẢN
TKV-CTCP
VIMICO
Lương Văn Lĩnh

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2019

Số: ~~577~~ /TTr - VIMICO

TỜ TRÌNH
V/v thay đổi Thành viên Hội đồng quản trị
Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Tổng công ty được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty;

Ngày 23/7/2018, Hội đồng thành viên TKV đã ban hành Quyết định số 1312/QĐ-TKV ngày 23/7/2018 về thay đổi Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV, theo đó ông Trần Quốc Lộc, Trưởng Ban - Thành viên Ban Quản lý vốn TKV thôi làm người đại diện quản lý phần vốn của TKV tại Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP từ ngày 01/8/2018.

Căn cứ Nghị quyết số 1766/NQ-VIMICO ngày 31/7/2018 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 956/QĐ-VIMICO ngày 31/7/2018 v/v bổ nhiệm Thành viên HĐQT thay thế.

Hội đồng quản trị trình ĐHCĐ thường niên năm 2019 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP thông qua việc thay đổi nhân sự Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP như sau:

1. Căn cứ điểm e, khoản 5 Điều 26 Điều lệ Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP, ông Trần Quốc Lộc không còn tư cách thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP, thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP từ ngày 01/8/2018.

2. Bổ nhiệm ông Vũ Văn Long - Trưởng Ban - Thành viên Ban Quản lý vốn TKV - Người đại diện quản lý phần vốn của TKV tại Tổng công ty giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2015-2020 thay thế ông Trần Quốc Lộc kể từ ngày 01/8/2018 theo Quyết định số 956/QĐ-VIMICO ngày 31/7/2018 của HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-VIMICO ngày 31/7/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty, HĐQT báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV như sau: Hội đồng Quản trị đã họp và thông qua nghị quyết về việc bầu ông Vũ Văn Long - Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP nhiệm kỳ 2015-2020 kể từ ngày 01/8/2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Long